



CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ BÀN CÁO BẠCH

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BÀN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3200042556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/03/2015)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 1/UGCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 12 năm 2016)

BÀN CÁO BẠCH SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty cổ phần Tổng Công ty thương mại Quảng Trị

Địa chỉ : 01 Phan Bội Châu, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại : (+84) 53 3852 513
Fax : (+84) 53 3852 695
Website : www.sepon.com.vn

2 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội
Điện thoại : ++84.04 3 9360261 Fax: ++84.04-3 9360262
Website : www.vcbs.com.vn
Chi nhánh : 135 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : ++84 0511 3 888991 Fax: ++84 0511 3 888881

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Mai Chiếm An
Chức vụ : Kế toán trưởng
Điện thoại : 0903502777



CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ BÀN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3200042556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/03/2015)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị
Mệnh giá	:	10.000 VNĐ
Giá bán	:	10.000 VNĐ
Tổng số lượng chào bán	:	900.000 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán	:	9.000.000.000 VNĐ

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại : (84) 511.3655886 **Fax** : (84) 511.3655887
Website : www.aac.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.
Điện thoại : 04. 39360261 **Fax** : 04. 39360262
Website : www.vcbs.com.vn
Email : vcbscurities@vietcombank.com.vn
Chi nhánh : Tầng 12, 135 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại : 0511. 3888991 **Fax** : 0511. 3888881

MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	9
5. Rủi ro pha loãng.....	9
6. Rủi ro quản trị công ty	11
7. Rủi ro khác	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
III. CÁC KHÁI NIỆM, CÁC TỪ VIẾT TẮT	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	19
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan.....	27
4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; cơ cấu cổ đông	28
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Sepon group, những công ty mà Sepon group đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Sepon group	29
6. Tổng hợp quá trình tăng vốn.....	29
7. Hoạt động kinh doanh	29
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	35
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	37
10. Chính sách đối với người lao động.....	41
11. Chính sách cổ tức.....	43
12. Tình hình tài chính.....	44
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	49
14. Tài sản.....	62
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	63
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.	65
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của SEPON	67
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	67
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	67
1. Loại cổ phiếu.....	67
2. Mệnh giá.....	67
3. Tổng số cổ phiếu phát hành	67

4. Giá chào bán dự kiến.....	67
5. Phương pháp tính giá.....	67
6. Phương thức phân phối.....	68
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	68
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	68
9. Phương thức thực hiện quyền.....	70
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	70
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	71
12. Các loại thuế có liên quan.....	71
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	72
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	72
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	72
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	73
1. Tổ chức tư vấn.....	73
2. Tổ chức kiểm toán.....	73
3. Ý kiến của VCBS về đợt chào bán cổ phiếu của SEPON GROUP.....	74
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	75
X. PHỤ LỤC.....	76

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Kinh tế - tài chính thế giới trong 06 tháng đầu năm 2016 đã có nhiều diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (UBGSTCQG), ngân hàng Thế giới (WB) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2016. Theo đó, ngày 07/06/2016, WB hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống 2,4% thay cho mức 2,9% đã đưa ra vào tháng 01/2016. Nguyên nhân do các nền kinh tế phát triển có tốc độ tăng trưởng chậm, thương mại toàn cầu yếu và dòng vốn luân chuyển đầu tư giảm mạnh.

Trong cuộc họp tháng 06, FED đã quyết định không tăng lãi suất trong bối cảnh: (1) các tín hiệu không thực sự lạc quan từ thị trường lao động; (2) Những khó khăn trong việc đưa lạm phát đạt mốc 2%; và (3) các vấn đề kinh tế thế giới đang có diễn biến không thuận lợi như kinh tế Trung Quốc giảm tốc hay sự kiện "Brexit". Nhiều khả năng FED sẽ chỉ nâng lãi suất 1 lần trong năm nay với thời điểm sớm nhất là vào tháng 09.

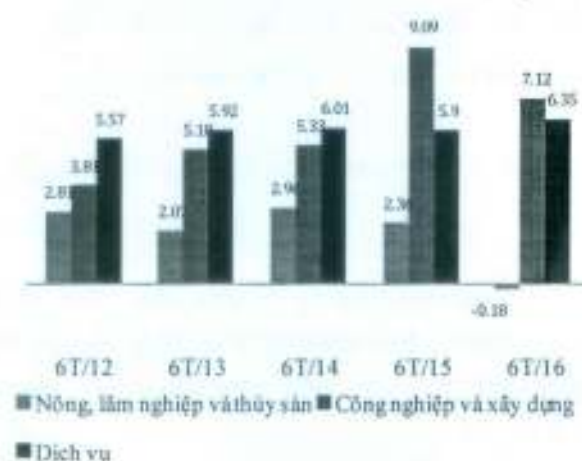
Đối với nền kinh tế Châu Âu, ngày 24/6, khi kết quả bỏ phiếu Brexit được công bố với kết quả Anh sẽ rời Châu Âu (EU) đã gây ra chấn động kinh tế toàn cầu, đồng Bảng Anh (GBP) sụt giảm mạnh 8,1%, đồng Euro (EUR) giảm 2,4%, các thị trường chứng khoán toàn cầu sụt giảm, giá vàng tăng vọt có lúc đạt 1.342USD/ounce. Nền kinh tế EU hồi phục yếu buộc Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) duy trì những chính sách nới lỏng. Tuy nhiên, sự phục hồi của kinh tế EU vẫn là dấu hỏi lớn với những sự kiện như Brexit hay những vấn đề địa chính trị như khủng hoảng người di cư, an ninh hay khủng bố.

Đối với nền kinh tế Châu Á, đã giảm tốc của Trung Quốc chưa có dấu hiệu dừng lại. Các biện pháp kích thích kỳ vọng sẽ tiếp tục được triển khai. Tuy nhiên điều này sẽ làm tăng nguy cơ đồng nhân dân tệ mất giá. Bên cạnh đó, sự kiện Brexit nhiều khả năng sẽ tác động không tích cực lên triển vọng Trung Quốc khi nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là đối tác nhập khẩu hàng đầu của EU. Ngân hàng trung ương Trung Quốc vẫn đang duy trì lãi suất ở mức thấp kỷ lục kể từ tháng 10/2015 nhằm kích thích tăng trưởng trong ngắn hạn. Nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng yếu. Lo ngại xung quanh đã giảm của chi tiêu dùng và hoạt động nhập khẩu. Thêm vào đó, những ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai vẫn là rào cản lớn với nỗ lực hồi phục của nền kinh tế lớn thứ ba thế giới.

Đối với nền kinh tế Việt Nam, trong 06 tháng đầu năm 2016 các chỉ số kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng, tuy nhiên mức tăng trưởng thể hiện chưa vững chắc, với GDP 06

tháng chỉ đạt 5,52% thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,32% năm 2015 nhưng cao hơn mức tăng các năm 2012-2014 cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng. Lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp; CPI tháng 06/2016 tăng 0,46% so với tháng trước, tăng 2,35 % so với đầu năm và CPI bình quân 06 tháng tăng 1,72% so với cùng kỳ năm 2015; Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng 5,9%; Vốn FDI giải ngân tăng 15,1% so với cùng kỳ; Thị trường tiền tệ ổn định trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động; Thị trường chứng khoán diễn biến tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ những tồn tại cần lưu ý: tỷ lệ nợ công và bội chi ngân sách còn cao; xử lý nợ xấu chưa triệt để trong khi quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu còn chậm, những hạn chế này có thể tiềm ẩn rủi ro trong dài hạn nhất là trong bối cảnh diễn biến chính trị-kinh tế thế giới trở nên khó lường hơn sau sự kiện Brexit.

Tốc độ tăng GDP theo ngành, 6 tháng các năm 2012-2016 (% so với cùng kỳ)



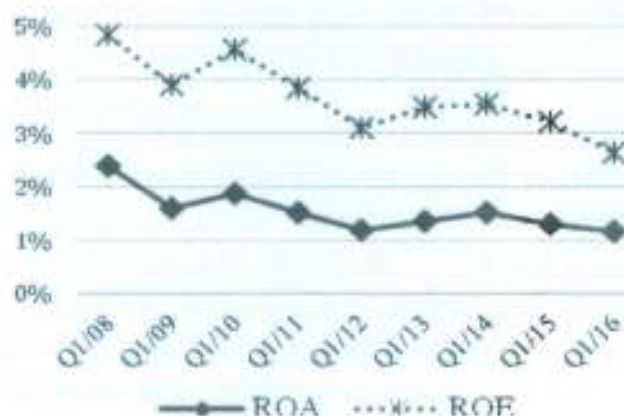
Nguồn: Tổng cục thống kê

Tình hình các doanh nghiệp Việt vẫn tiếp tục khó khăn. Trong 06 tháng/2016, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh tăng 17% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2015 giảm 0,9%). Theo tính toán của UBGSTCQG,¹ hiệu quả sinh lời và lợi nhuận của khối doanh nghiệp phi tài chính đang có xu hướng giảm do các loại phí (chi phí tài chính, chi phí sản xuất, các loại thuế và phí...) tăng lên nhanh chóng. Trong Q1/2016 ROA, ROE của khu vực lần lượt ở mức 1,16% và 2,66% giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm trước (Q1/2015 ROA, ROE lần lượt là 3,22% và 1,3%). Tăng trưởng doanh thu bình quân và tổng tài sản bình quân của

¹ Tính toán dựa trên báo cáo tài chính của từ 500-800 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HNX, HSX, Upcom do Stoxplus cung cấp

khu vực trong Q1/2016 lần lượt ở mức -6,4% và 11,94% thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2015 (Q1/2015 tăng trưởng doanh thu bình quân, tổng tài sản bình quân lần lượt là 49,29% và 86,31%).

Hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp phi tài chính² Q1/2008-Q1/2016



Nguồn: Stoxplus và tính toán của UBGSTCQG

Những rủi ro kinh tế trên, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, và Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị cũng không nằm ngoài sự tác động trên.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

² Phân tích dựa trên báo cáo tài chính của 500-800 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HSX, HNX và Upcom

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, sản xuất, chế biến và dịch vụ nên có một số rủi ro sau:

- Rủi ro trong mạng thương mại:

Hiện nay Công ty đã mở rộng quan hệ thương mại với thị trường 15 nước trên thế giới. Toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đủ tiêu chuẩn, do đó các sản phẩm của Công ty đều phù hợp với yêu cầu của những thị trường này. Nhưng nếu có những thay đổi về các luật lệ thương mại hoặc các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong việc xuất nhập khẩu và tăng thêm chi phí của Công ty.

- Rủi ro trong mạng sản xuất, chế biến

Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là nông sản, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết, môi trường, chất lượng cây giống, công nghệ trồng trọt, dịch bệnh.....

Sự biến động thất thường của nguồn cung và giá thu mua nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến khả năng cung ứng sản phẩm cho những hợp đồng với số lượng lớn và dài hạn với khách hàng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nông thôn chủ yếu là sản xuất và xuất khẩu hàng nông sản nên phụ thuộc rất nhiều vào thị trường Trung Quốc.

- Rủi ro trong dịch vụ nhà hàng, khách sạn và lữ hành, nghỉ dưỡng

Hoạt động mang tính thời vụ rõ nét. Ở các thời vụ khác nhau trong năm, nhu cầu của du khách cũng khác nhau. Chẳng hạn, vào mùa hè nhu cầu du lịch nghỉ biển tăng rất cao nhưng vào mùa đông thì ngược lại, vào mùa xuân nhu cầu du lịch lễ hội cũng tăng mạnh làm cho hoạt động kinh doanh lữ hành có tính thời vụ.

Ngoài ra hoạt động kinh doanh lữ hành còn phụ thuộc khá nhiều vào yếu tố tự nhiên, quỹ thời gian nhân rồi, trình độ dân trí cũng như phụ thuộc vào thu nhập của người dân. Từ những đặc điểm cơ bản trên cho thấy việc kinh doanh lữ hành rất dễ gặp rủi ro, nó đòi hỏi công ty phải có mối quan hệ rộng với các đối tác, các nhà cung ứng tin cậy có đội ngũ nhân viên lành nghề.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Trong quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc, có thể có những rủi ro nhất định. Bản cáo bạch này đưa ra dự báo về những rủi ro có khả năng xảy ra nhưng không bao hàm ý nghĩa chắc chắn sẽ xảy ra. Những rủi ro từ đợt chào bán nếu có sẽ gây ảnh hưởng đến nguồn thu từ đợt phát hành của Công ty cổ phần Tổng Công ty thương mại Quảng Trị.

Tình hình kinh tế vĩ mô đang trong giai đoạn tăng trưởng nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ ảnh hưởng của kinh tế thế giới và những nguy cơ từ nội tại nền kinh tế trong nước, vì thế thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua cũng tăng giảm bất thường và không còn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên, giá trị sổ sách vào 30/06/2016 của SEPON GROUP là 12.782 đồng, trong khi giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/1 cổ phiếu nên rủi ro đợt phát hành không thành công, là khó có khả năng xảy ra.

4.2 Rủi ro về sử dụng vốn

Đây là đợt tăng vốn lần đầu tiên của Công ty cổ phần Tổng Công ty thương mại Quảng Trị. Tổng giá trị số vốn phát hành đợt này là 9.000.000.000 đồng, tăng thêm 12% so với vốn điều lệ hiện có. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Ban Tổng Giám đốc sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn lưu động trong kinh doanh, giảm đòn cân nợ, các rủi ro thanh toán và tăng lợi nhuận. Đây là kế hoạch sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc cân nhắc kỹ và được ĐHĐCĐ công ty thông qua nên rủi ro sử dụng vốn của đợt phát hành này là không lớn.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi phát hành thì số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên, sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

(i) Xét về sự pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần thì sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân bổ cho cổ đông năm sau phát hành ước tính là cao hơn so với năm trước khi phát hành, nhưng chỉ số EPS của năm sau thấp hơn EPS của năm trước (tốc độ tăng trưởng EPS âm), hoặc

tăng nhưng tăng ít hơn so với mức tăng của lợi nhuận làm cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu này đối với nhà đầu tư bị suy giảm.

Cụ thể : Giả sử, đến 31/12/2016, Công ty chưa hoàn thành đợt tăng vốn, vốn điều lệ công ty vẫn là 75 tỷ đồng. LNST chia cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cuối năm 2016 là 15 tỷ đồng. EPS năm 2016 của công ty là: 2.000 đồng. Giả sử : Ngày 01 tháng 02 năm 2017, Công ty hoàn thành việc phát hành ra công chúng thành công 900.000 cổ phần (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận sau thuế năm 2017 dự kiến là 16.500.000.000 đồng (tăng 10% so với năm 2016).

Ta có EPS năm 2017 của Công ty là:

Lợi nhuận chia cho Cổ đông thường	16.500.000.000
EPS = $\frac{\text{Lợi nhuận chia cho Cổ đông thường}}{\text{Tổng khối lượng CPPT đang lưu hành BQ trong kỳ}^{(*)}}$	= $\frac{16.500.000.000}{8.323.561}$ = 1.982 (đ)
Tổng khối lượng CPPT đang lưu hành BQ trong kỳ ^(**)	8.323.561

(* *) Tổng khối lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ là đại lượng bình quân theo số ngày. Tổng số ngày thực tế theo lịch, bao gồm cả ngày lễ và ngày nghỉ, được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng khối lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \text{Số lượng cổ phiếu đầu kỳ} + \frac{\text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm} \times \text{Số ngày lưu hành trong kỳ} - \text{Số lượng cổ phiếu mua lại trong kỳ} \times \text{Số ngày được mua lại trong kỳ}}{\text{Tổng số ngày trong kỳ}} \end{array}$$

Áp dụng với trường hợp phát hành thêm của SEPON :

$$\begin{array}{l} \text{Tổng khối lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = 7.500.000 + \frac{900.000 \times 334}{365} = 8.323.561 \text{ (cổ phần)} \end{array}$$

Như vậy, mặc dù lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân bổ cho cổ đông năm 2017 ước tính là cao hơn so với năm 2016: 10%, nhưng chỉ số EPS của năm 2017 lại thấp hơn so với năm 2016, làm cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu này đối với nhà đầu tư bị suy giảm.

Đó là một trong những yếu tố rủi ro của việc phát hành cổ phần để tăng thêm vốn điều lệ. Nhưng nếu xét về bản chất thì thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn để sản xuất kinh doanh. Việc phát hành ra công chúng có làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu nhưng trong bối cảnh vay vốn ngân hàng không dễ, lãi suất tăng cao thì việc phát hành tăng vốn là một hướng đi hoàn toàn hợp lý. Nếu doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả,

các dự án khả thi thành công, thì cũng sẽ nhanh chóng làm tăng giá trị cổ phiếu hơn. Bên cạnh đó, với tỷ lệ vốn phát hành thêm chỉ tăng 12% so với vốn cũ nên sự pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần SEPON là không cao.

(ii) Xét về mức độ pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác

$$\text{Giá sổ sách/cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

(iii) Xét về pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án phát hành, số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Như vậy, tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ bị thay đổi nếu tình hình nhiều cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua/ hoặc chuyển nhượng quyền mua cho một hoặc một nhóm người (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

(iv) Xét về pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm : Hiện nay, cổ phiếu Công ty chưa có giao dịch chính thức trên thị trường có tổ chức nên giá giao dịch của cổ phiếu SEPON chưa được xác định cụ thể. Mức pha loãng này chưa được phản ánh.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Các nhóm sự kiện chính liên quan đến rủi ro quản trị là :

(i) Gian lận nội bộ, gian lận bên ngoài: tổn thất do các sự kiện gian lận, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, giả mạo hồ sơ chứng từ, biển thủ tham ô tài sản ngân hàng, phá hoại tài sản công ty, trộm cắp tổng tiền... do nhân viên công ty gây ra hoặc tiếp tay cho tội phạm bên ngoài.

(ii) Chính sách lao động và môi trường làm việc: khả năng tổn thất do Công ty không xử lý đúng quy định, không thỏa đáng các chính sách lương thưởng và nhân sự, không

đảm bảo quyền lợi cho người lao động - một trong các nhóm lợi ích liên quan được đề cập ở trên trong quản trị doanh nghiệp.

(iii) Khách hàng, sản phẩm dịch vụ và thực tiễn môi trường kinh doanh: khả năng tồn thất phát sinh từ các lỗi, sai sót không cố ý hoặc do sơ suất trong việc đáp ứng các trách nhiệm nghề nghiệp đối với khách hàng, hoặc không tuân thủ đúng các thực tiễn, các tiêu chuẩn thực hành của môi trường kinh doanh. Đây là một mục tiêu chính của quản trị doanh nghiệp.

(iv) Tài sản cố định, công cụ, dụng cụ bị mất mát hoặc bị phá hoại do thiên tai hoặc các sự kiện bên ngoài khác như khủng bố, chiến tranh, cháy nổ. Gián đoạn hoạt động hoặc lỗi hệ thống công nghệ thông tin.

(vi) Cơ cấu cổ đông chưa hiệu quả, tỷ lệ sở hữu quá phân tán, hoặc có nhiều nhóm cổ đông lớn nhưng không đồng thuận. Mặc dù doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho khâu tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để tạo dựng hình ảnh, mời các chuyên gia phân tích, các nhà đầu tư có tổ chức đến dự, phóng viên đến đưa tin..., nhưng khi biểu quyết các vấn đề tại đại hội thì không thông qua được do không dung hòa được những mâu thuẫn lợi ích khi xây dựng kế hoạch tăng vốn, kế hoạch triển khai dự án, kế hoạch chi trả cổ tức.

(vii) Hoạt động quan hệ cổ đông : Hoạt động quan hệ cổ đông tốt không chỉ nằm ở việc tạo dựng các kênh thông tin cho cổ đông, mà còn ở việc bản thân doanh nghiệp ứng phó như thế nào trước các tình huống xấu để duy trì được lòng tin của cổ đông.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Kể từ khi cổ phần hóa, Công ty cổ phần Tổng Công ty thương mại Quảng Trị đã xây dựng Điều lệ Công ty tuân thủ theo Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 26/07/2012 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Hội đồng quản trị theo dõi, đôn đốc và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, đảm bảo cho Công ty hoạt động tuân thủ đúng pháp luật và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh... là những rủi ro bất khả kháng. Tuy rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu có thì sẽ gây tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt hại về người và của cho Công ty, đặc biệt là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, du lịch và khách sạn của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị

- | | |
|----------------------|-------------------------------------|
| ✚ Ông: Phan Văn Sinh | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| ✚ Ông: Hồ Xuân Hiếu | Chức vụ: Tổng giám đốc |
| ✚ Ông: Mai Chiếm An | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS)

- | | |
|----------------------|--|
| ✚ Ông: Phạm Kim Ngọc | Chức vụ: Giám đốc VCBS Chi nhánh Đà Nẵng |
|----------------------|--|

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM, CÁC TỪ VIẾT TẮT

<u>Từ, cụm từ</u>	<u>Ngữ nghĩa</u>
Công ty	: Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị
Sepon Group	: Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị
VCBS	: Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
SGDCK TP. HCM	: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Tổ chức tư vấn	: Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

<i>Điều lệ Công ty :</i>	<i>Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị</i>
<i>CP :</i>	<i>Cổ phần</i>
<i>CTCP :</i>	<i>Công ty cổ phần</i>
<i>ĐHĐCĐ :</i>	<i>Đại hội đồng cổ đông</i>
<i>HDQT :</i>	<i>Hội đồng quản trị</i>
<i>BTGD :</i>	<i>Ban Tổng giám đốc</i>
<i>BKS :</i>	<i>Ban kiểm soát</i>
<i>HĐSXKD :</i>	<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>
<i>SXKD :</i>	<i>Sản xuất kinh doanh</i>
<i>TMCP :</i>	<i>Thương mại cổ phần</i>
<i>VN :</i>	<i>Việt Nam</i>
<i>NHNN :</i>	<i>Ngân hàng Nhà nước</i>
<i>NHTM :</i>	<i>Ngân hàng thương mại</i>
<i>TNDN :</i>	<i>Thu nhập doanh nghiệp</i>
<i>DT :</i>	<i>Doanh thu</i>
<i>DTT :</i>	<i>Doanh thu thuần</i>
<i>LN :</i>	<i>Lợi nhuận</i>
<i>LNTT :</i>	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>
<i>LNST :</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>
<i>TSCĐ :</i>	<i>Tài sản cố định</i>
<i>CBCNV :</i>	<i>Cán bộ, công nhân viên</i>

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Quá trình hình thành, phát triển

- Tháng 5/1973: Thành lập Đại lý Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1974: Nâng cấp thành Công ty Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1977: Thành lập Công ty Thương nghiệp Đông Hà;
- Năm 1992: Thành lập Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị;

- Tháng 1/1993: Hợp nhất Công ty Thương nghiệp Đông Hà và Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị, thành lập Công ty Thương mại Quảng Trị;
- Tháng 4/1995: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Q.Trị tại TP Hồ Chí Minh;
- Tháng 11/1999: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị tại Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo;
- Tháng 12/2003: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Xí nghiệp Thương - mại Việt Lào, nay đổi thành Chi nhánh XNK SEPON;
- Tháng 3/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Tinh bột sắn Hướng Hoá;
- Ngày 21/3/2004: Sản xuất thành công Tinh bột sắn nhãn hiệu SEPON;
- Tháng 7/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Khách sạn SEPON;
- Tháng 6/2006: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Trung tâm lữ hành SEPON; Tháng 4/2009: chuyển đổi thành Công ty Cổ phần lữ hành SEPON;
- Tháng 10/2006: Chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị;
- Tháng 7/2008: Thành lập Trung tâm thương mại Atúc;
- Tháng 9/2008: Thành lập Trung tâm thương mại dịch vụ Hùng Vương;
- Năm 2009: Xây dựng Trung tâm dịch vụ Làng Vây;
- Tháng 2/2009: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị tại An Giang;
- Tháng 3/2010: Thành lập Trung tâm thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp;
- Tháng 4/2011: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị
 - Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà;
- Tháng 8/2012: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị
 - Nhà máy Chế biến mủ cao su Cam Lộ;

- Tháng 5/2014: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị- Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ;
- Tháng 12/2014: Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị sang Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị theo quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV TM Quảng Trị thành Công ty cổ phần;
- Tháng 4/2015: Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị - Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt.

✓ **Các thành tích Tổng Công ty đã đạt được trong những năm qua:**

Tháng 6/1996	:	Huân chương Lao động hạng 3
Tháng 9/2006	:	Huân chương Lao động hạng 2
Tháng 9/2009	:	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt lần thứ 1
Tháng 9/2009	:	Cúp vàng vì Sự nghiệp bảo vệ môi trường
Tháng 5/2010	:	Huân chương Lao động hạng 1
Tháng 6/2010	:	Giải thưởng Thương hiệu xanh
Tháng 10/2010	:	Giải thưởng Thương mại Dịch vụ Việt Nam
Tháng 10/2011 KHCN 2011	:	Giải thưởng Cúp vàng Thương hiệu Việt - Ứng dụng
Tháng 8/2012	:	Giải thưởng Top 100 Thương hiệu bền vững năm 2012
Tháng 9/2013	:	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt lần thứ 2
Tháng 12/2013	:	Huân chương độc lập Hạng 3
Tháng 03/2014 Geneva - Thụy Sĩ	:	Giải thưởng Chất lượng quốc tế thể kỷ Hạng Vàng tại
Tháng 04/2014 2014	:	Giải thưởng Thương hiệu Á Đông và Tầm nhìn thế giới
Tháng 4/2014	:	Giải thưởng Thương mại Dịch vụ tiêu biểu 2013
Tháng 10/2014	:	Danh hiệu: Doanh nghiệp vì người lao động 2014

Tháng 3/2015 : Giải thưởng: Sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt tiêu biểu 2014

Tháng 6/2015 : Tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu 2014

1.2 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

Tên tiếng Anh : QUANG TRI GENERAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : SEPON GROUP

Logo :



Trụ sở chính : 01 Phan Bội Châu, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại : (+84) 53 3853 031 - (+84) 53 3521 064

Fax : (+84) 53 3852 695

Email : info@sepon.com.vn

Website : www.sepon.com.vn

Vốn điều lệ : 75.000.000.000 VNĐ

Giấy chứng nhận ĐKKD số 3200042556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/03/2015;

Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Sản xuất và xuất khẩu Tinh bột sắn và các mặt hàng nông sản khác;
- ✓ Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng tiêu dùng ;
- ✓ Chế biến mù cao su, viên năng lượng;
- ✓ Dịch vụ nhà hàng, khách sạn và lữ hành, nghỉ dưỡng;
- ✓ Nhập khẩu và cung cấp bò giống, bò thịt nhập khẩu từ Thái Lan;

- ✓ Cung ứng vật tư và các mặt hàng thiết yếu phục vụ miền núi.

Các đơn vị thành viên:

- ✓ Hệ thống phân phối hàng tiêu dùng nhập khẩu;
- ✓ Nhà máy tinh bột sắn Hương Hóa;
- ✓ Nhà máy chế biến cao su;
- ✓ Nhà máy viên năng lượng;
- ✓ Nhà máy chế biến nông sản;
- ✓ Khách sạn Sepon;
- ✓ Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt;
- ✓ Công ty CP lữ hành Sepon;
- ✓ Trung tâm dịch vụ Làng Vây;
- ✓ TT thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp;

1.3 Tầm nhìn mà Sepon Group đã và đang thực hiện

Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị, với vốn Nhà nước trên 51%, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh thương mại, gắn liền với nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy sự phát triển các vùng nông thôn, miền núi.

Với hơn 43 năm kinh nghiệm và với những kết quả đã đạt được, là nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ được giao, thực hiện thành công các dự án đã và đang triển khai.

- Phát triển gắn liền với nông nghiệp và nông thôn: Phát triển rộng khắp các mô hình chăn nuôi có hiệu quả, trên cơ sở chuyển giao kỹ thuật, cung ứng giống, thức ăn cũng như bao tiêu sản phẩm nông sản cho nông dân; tham gia phục hồi và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng tại các địa phương, đưa thương hiệu nông đặc sản trong tỉnh ra thị trường trong nước và thế giới.
- Phát triển sản xuất phân vi sinh chất lượng cao, giá rẻ (đặc biệt cho cây sắn) hướng đến mục tiêu tái đầu tư cho đất sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.

- Mở rộng sản xuất kinh doanh sang nước bạn Lào, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Trung Quốc; khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng của tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

- **Danh sách các đơn vị trực thuộc:**

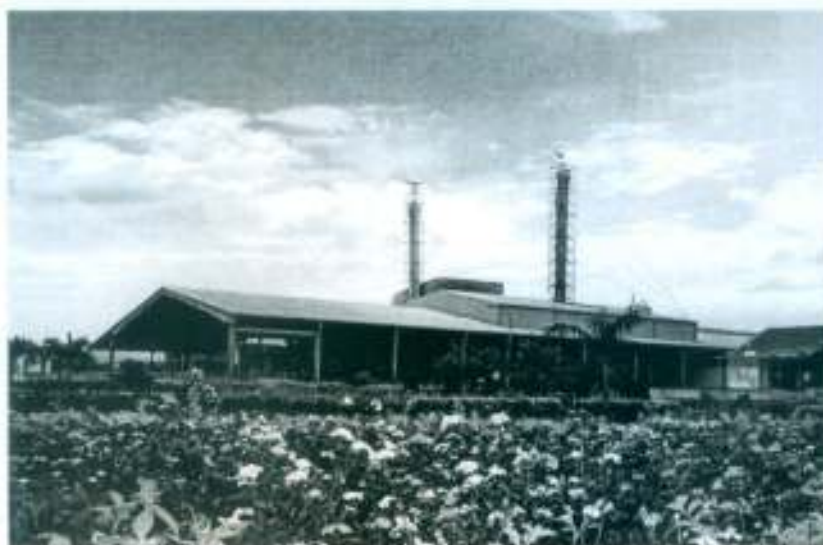
1. Văn Phòng Tổng công ty

- Quản lý và chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị cơ sở
- Địa chỉ: 01 - Phan Bội Châu - TP.Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị



2. Nhà máy Tinh bột sắn Hương Hoá

- Sản xuất và xuất khẩu: Tinh bột sắn, phân vi sinh, bã sắn.
- Địa chỉ: Xã Thuận – Hương Hóa – Quảng Trị



3. Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà

- Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông sản: tiêu, gạo, trà các loại, lạc, bả sắn, thức ăn chăn nuôi.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Đông Hà - TP Đông Hà - Quảng Trị



4. Nhà máy Chế biến mủ cao su Cam Lộ

- Sản xuất và kinh doanh mặt hàng cao su SVR10, SVR3L
- Địa chỉ: Xã Cam Chính – Huyện Cam Lộ- Quảng Trị



5. Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ:

- Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ: viên nén, gỗ ép, gỗ ghép thanh..
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Cam Hiếu- Cam Lộ - Quảng Trị



6. Khách sạn SEPON:

- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, lữ hành quốc tế, nội địa.
- Địa chỉ: Khu KTTMĐB Lao Bảo, Thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Lao Bảo, Quảng Trị, Hướng Hóa.



7. 11. Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt:

- Dịch vụ nhà hàng, nghỉ dưỡng, tổ chức các sự kiện...
- Địa chỉ: Khu nghỉ dưỡng SePon resort – TT Cửa Việt- Gio Linh – Quảng Trị.



8. Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị tại TP Hồ Chí Minh:

- Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc...
- Địa chỉ: 7/1 Linh Đông, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP HCM



9. Chi nhánh Công ty tại Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo

- Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc...
- Địa chỉ: Thị trấn Lao Bảo - Hướng Hóa – Quảng Trị

10. Chi nhánh XNK SEPON

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, gỗ, cao su...
- Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 01 Phan Bội Châu – Đông Hà – Quảng Trị

11. Chi nhánh Công ty tại An Giang.

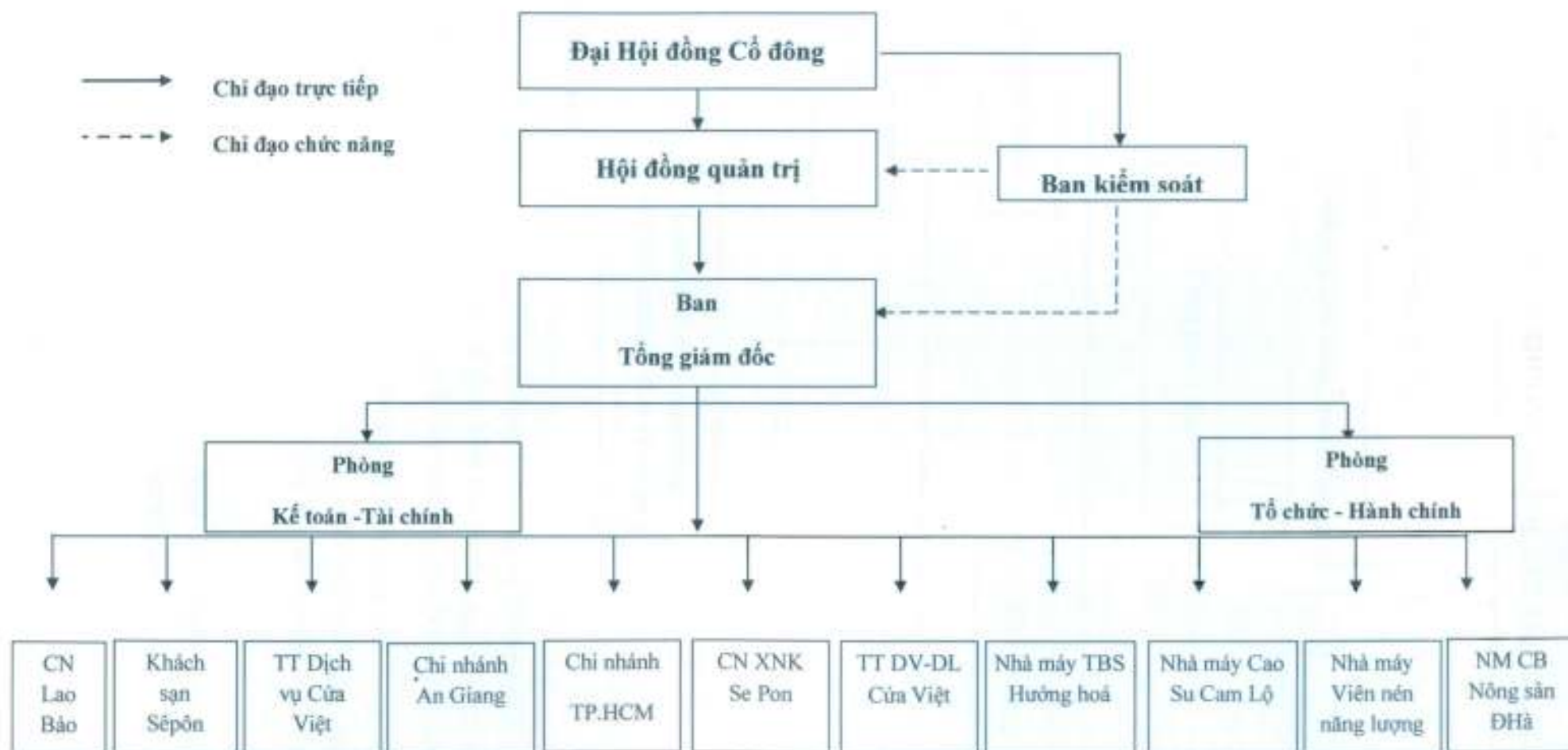
- Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc...
- Địa chỉ: Tòa nhà Tầng 1, số 7/1 Linh Đông, P. Linh Đông, Q.Thủ Đức, TP HCM.

12. Chi nhánh xuất nhập khẩu Toàn cầu :

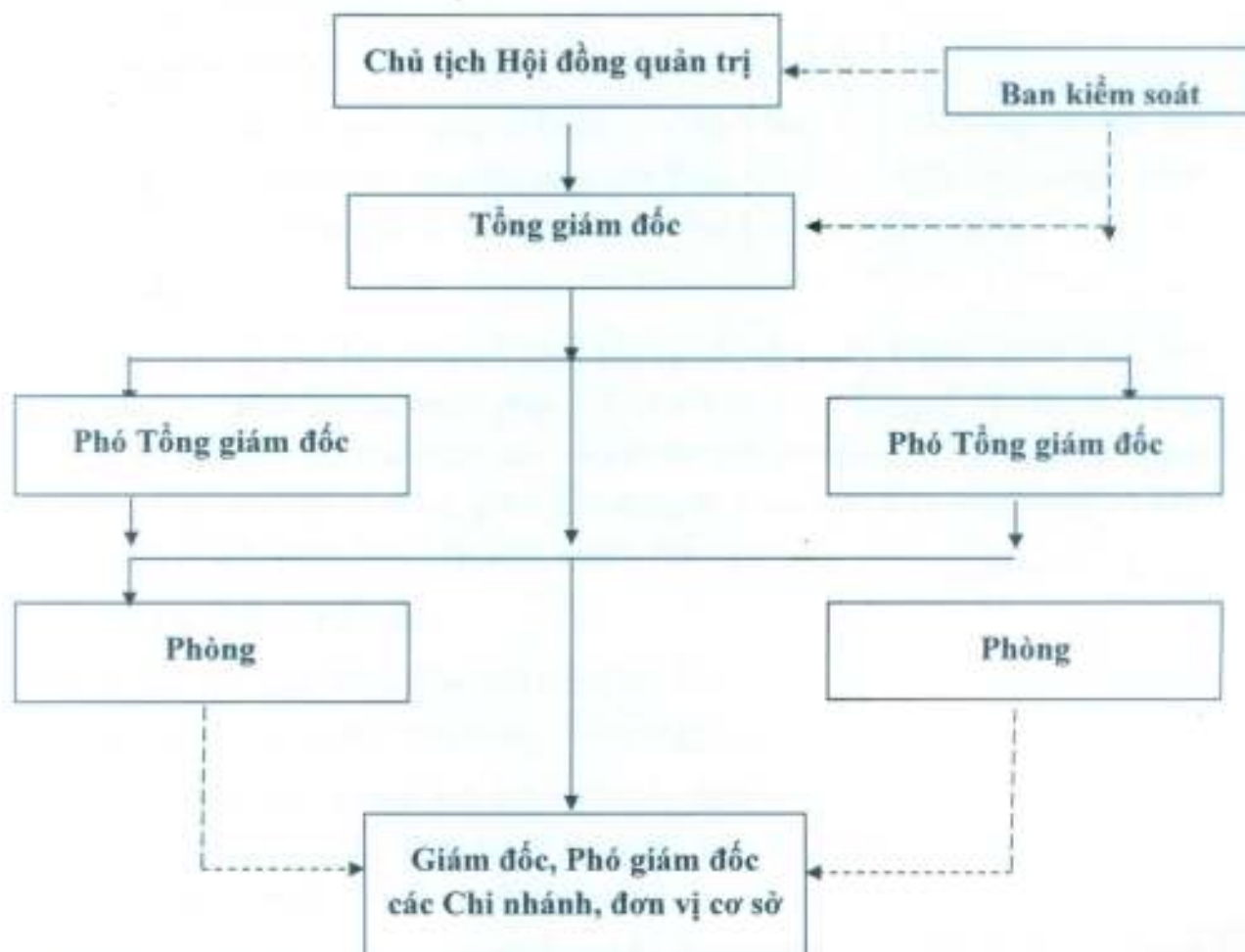
- Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc...
- Địa chỉ: 01 Phan Bội Châu – Đông Hà- Quảng Trị

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Sepon group

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ



Sơ đồ 2: Bộ máy quản lý của Sepon group



- Hội đồng quản trị

Hội đồng có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Đại hội cổ đông.

Thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám đốc tổ chức điều hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 5 năm.

- Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ công ty;

chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Phó Tổng Giám đốc:

Phó Tổng Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

*** Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cổ đông Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình như : Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

*** Phòng Tài chính - Kế toán:**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong các lĩnh vực Tài chính, Kế toán, quản lý tài sản, quản lý vốn, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.
- Theo dõi phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại công ty và các đơn vị cơ sở, cung cấp thông tin về tài chính, kinh tế cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch SXKD và đầu tư của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn, quản lý tài sản nguồn vốn và các nguồn lực kinh tế theo quy định của Nhà nước.
- Thực hiện công tác hoạch toán kế toán, thống kê theo Luật kế toán, thống kê và Điều lệ của Công ty, xác định và phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kết quả kiểm kê tài sản, nguồn vốn, thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.
- Lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán, bảo mật số liệu kế toán tài chính theo quy định và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công.

*** Phòng Tổng hợp:**

- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách bảo hiểm, lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyển dụng, điều phối lao động, quản lý nguồn nhân lực.
- Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách, kiểm tra đôn đốc tất cả CBCNV lao động thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Công ty, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Cty.
- Quản lý công tác ATVSLĐ, PCCC, Phòng chống bạo lực, Tổ chức các Hội nghị khánh tiết của Công ty
- Tiếp nhận các thông tin từ bên ngoài đến Cty, xử lý các thông tin theo chức năng và thẩm quyền, soạn thảo và trình Tổng giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bản đó.
- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu và các tài liệu của Cty đảm bảo chính xác, kịp thời và an toàn.
- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn nội bộ trong toàn Cty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2016

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số phần cổ	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	UBND tỉnh Quảng Trị (*)	45- Hùng vương -TP Đông Hà, Quảng Trị	Phổ thông	4.300.000	43.000.000.000	57,33
2	Hồ Xuân Hiếu	P.Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị	Phổ thông	606.315	6.063.150.000	8,08
	Cộng			4.906.315	49.063.150.000	65,42

(Nguồn : Theo danh sách chốt cổ đông ngày 30/06/2016 của Sepon Group)

(*) : Kèm theo QĐ số 2757 ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ :

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	UBND tỉnh Quảng Trị*	45- Hùng vương -TP Đông Hà, Quảng Trị	Phổ thông	4.300.000	43.000.000.000	57,33
2	Phan Văn Sinh	Khu phố 6 – P.1 – Tp.Đông Hà, Quảng Trị	Phổ thông	444.979	4.449.790.000	5,93
3	Hồ Xuân Hiếu	P.Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị	Phổ thông	450.536	4.505.360.000	6,01
4	Lê Quang Nhật	Khu phố 1 – P.Đông Giang – Tp.Đông Hà, Quảng Trị	Phổ thông	203.840	2.038.400.000	2,72
5	Mai Chiếm An	Khu phố 3 – P.Đông Giang – Tp.Đông Hà, Quảng Trị	Phổ thông	388.979	3.889.790.000	5,19
	Cộng			4.906.315	49.063.150.000	65.42

Nguồn : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200042556 do SKH&ĐT Tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007 và thay đổi lần thứ 10 ngày 31/12/2014

Về việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập, Công ty tuân thủ theo Quy định tại Khoản 3, Khoản 4 – Điều 119 của Luật doanh nghiệp 2014. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ (tức đến 31/12/2017).

Cơ cấu cổ đông theo vốn thực góp của Công ty được phân loại như sau:

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước	356	7.500.000	75.000.000.000	100%
	- Cá nhân	355	3.200.000	32.000.000.000	42,67%
	- Tổ chức	1	4.300.000	43.000.000.000	57,33%
2	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng:		356	7.500.000	75.000.000.000	100%

(Nguồn: Sepon Group)

- 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Sepon group, những công ty mà Sepon group đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Sepon group**

Danh sách những công ty mẹ và công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Sepon Group: Không có

Danh sách công ty con, những công ty mà Sepon Group đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

6. Tổng hợp quá trình tăng vốn

Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay Công ty chưa thực hiện tăng vốn lần nào.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm:

Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, thương mại và dịch vụ khách sạn, du lịch.

Về hoạt động sản xuất, chế biến :

Năm 2015, trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều thuận lợi và khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên nhà máy, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chế độ thưởng, phạt đã kịp thời khích lệ tinh thần lao động, góp

phần làm tăng sản lượng sản xuất và tăng lợi nhuận, tạo điều kiện cho nhà máy hoàn thành vượt mức kế hoạch Công ty giao.

Trong năm, nhà máy Tinh bột sắn đã sản xuất được 51.510 tấn tinh bột trên kế hoạch 41.000 tấn thành phẩm; sản xuất bã sắn đạt 11.410 tấn/kế hoạch 10.000 tấn, tổng doanh thu nhà máy 468 tỷ đồng, đạt 123 % so với kế hoạch. Về sản xuất phân vi sinh, Nhà máy đã có những hoạt động như vận động nhân dân bón phân thâm canh cây sắn và bán phân. Trong năm đã sản xuất được gần 536 tấn/kế hoạch 700tấn. Hiện tại, do mặt hàng này có sự cạnh tranh với các sản phẩm truyền thống cùng loại nên công tác sản xuất và bán ra chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

Nhà máy nông sản trong năm 2015 đã có nhiều cố gắng trong việc quảng bá nâng cao giá trị và tạo thương hiệu nông sản tinh nhà; thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Doanh thu mặt hàng lương thực, thực phẩm đạt 1,87 tỷ đồng; hàng nông sản 4,7 tỷ đồng. Trong những tháng cuối năm, nhà máy cũng đã mở rộng thị trường cho mặt hàng mới là thức ăn gia súc, bước đầu có một số kết quả nhất định.

Tại Nhà máy chế biến mù cao su : Đứng trước thách thức của nền kinh tế thế giới, nhà máy vẫn có những thành công nhất định, cụ thể: đã thu mua được 2.549 tấn mù các loại; sản xuất được 2.550 tấn đạt 116% KH, doanh thu đạt 81,7 tỷ. Tuy nhiên do giá cao su bình quân năm 2015 thấp tương đương 26,2tr/tấn nên doanh thu và lợi nhuận của nhà máy không cao.

Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng đi vào hoạt động vẫn tiếp tục gặp khó khăn do tình hình thế giới có nhiều biến động, giá dầu mỏ không ổn định, trong tỉnh có nhiều nhà máy cùng sản xuất viên nén tỉnh cạnh tranh cao. Đã thu mua được 11.500 tấn nguyên liệu; sản xuất: 3.800 tấn viên gỗ nén; 2.000m³ gỗ xẻ, doanh thu đạt 11 tỷ đồng. Để ổn định hoạt động cho các Nhà máy, Công ty đã cùng với chính quyền địa phương và người dân xây dựng, phát triển bền vững vùng nguyên liệu như đã hỗ trợ kinh phí đánh giá và cấp chứng chỉ FSC được 1.500 ha gỗ rừng trồng cho 530 hộ gia đình trong toàn tỉnh.

Về hoạt động thương mại, kinh doanh nhập khẩu:

Chính phủ vẫn chưa có cơ chế mới cho các khu Kinh tế cửa khẩu nên các chi nhánh liên quan vẫn ảnh hưởng. Các mặt hàng nhập khẩu từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc, Malaysia... tuy có nhiều đối thủ cạnh tranh nhưng do chất lượng hàng hóa tốt, có thương hiệu nên Công ty đã tạo được mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các mặt hàng này mang lại

hiệu quả kinh doanh khá cao, hàng tồn kho ít. Doanh thu cho các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu là: 105 tỷ đồng.

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ tình giao như bán hàng phục vụ Tết và bình ổn giá tại các huyện Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Đông Hà, dự trữ các mặt hàng phòng chống bão lụt.

Về hoạt động dịch vụ du lịch, khách sạn :

Trong năm 2015, Khách sạn Sepon, Khu nghỉ dưỡng Sepon Resort từng bước khẳng định uy tín, vị thế và thương hiệu của mình, đã để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp cho du khách trong và ngoài nước. Đặc biệt Khu nghỉ dưỡng Sepon Resort đã tạo điểm nhấn mới trong lĩnh vực nghỉ dưỡng biển Quảng Trị.

***Cơ cấu doanh thu thuần:**

Tỷ trọng cơ cấu doanh thu trong tổng doanh thu thuần của SEPON GROUP, doanh thu về bán thành phẩm sản xuất chiếm tỷ trọng từ 70% – 80%, doanh thu bán hàng hóa chiếm tỷ trọng từ 20% - 28%, doanh thu dịch vụ du lịch, khách sạn chỉ chiếm từ 1% - 2% trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Chi tiết về cơ cấu doanh thu được thể hiện qua các năm như sau :

Đơn vị tính : Đồng

TT	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		9T/2016	
		Giá trị (tr đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng hóa	168.006.639.842	27,5	133.692.280.611	19	122.517.097.643	25,36
2	Doanh thu bán thành phẩm	437.475.179.904	71,55	561.109.974.399	79,5	352.061.798.609	72,87
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.908.150.507	0,95	10.738.912.518	1,5	8.431.146.136	1,75
4	Doanh thu khác	-	-	-	-	115.171.045	0,02
Tổng cộng		611.389.970.253	100	705.541.167.528	100	483.125.213.433	100

(Nguồn từ: BCTC kiểm toán năm 2014, năm 2015, BCTC Quý III/2016)

**Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính : Đồng

TT	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		9T/2016	
		Giá trị (tr đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	28.533.579.834	28,06	27.244.250.978	22,08	20.758.833.918	26,26
2	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	68.492.475.083	67,35	98.730.818.589	80	56.944.312.044	72,02
3	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	4.671.913.608	4,59	-2.575.128.568	-2,08	1.243.149.341	1,57
4	Lợi nhuận gộp từ doanh thu khác	-	-	-	-	115.171.045	0,15
Tổng cộng		101.697.968.525	100	123.399.940.999	100	79.061.466.348	100

(Nguồn từ: BCTC kiểm toán năm 2014, năm 2015, BCTC Quý III/2016)

Tương ứng với cơ cấu doanh thu, tỷ trọng cơ cấu lợi nhuận gộp chủ yếu cũng từ lợi nhuận bán thành phẩm, lợi nhuận bán hàng hóa. Riêng trong năm 2015, lợi nhuận cung cấp dịch vụ khách sạn bị lỗ, nguyên nhân là do năm 2015 công ty trích khấu hao khá lớn.

7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc đã từng bước triển khai hoàn thiện, đưa vào sử dụng các công trình, hạng mục đã được phê duyệt của năm 2014. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã xem xét và thống nhất phê duyệt các Chủ trương để Ban Tổng giám đốc thực hiện triển khai đấu thầu xây dựng và mua sắm tại Nhà máy Sản, Nhà máy Cao su, Nhà máy Viên Năng lượng Cam Lộ, Nhà máy Nông Sản, Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt giai đoạn 2 và giai đoạn 3, mua đất làm văn phòng và kho hàng tại thành phố Hồ Chí Minh.

7.3 Hoạt động Marketing

Những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đạt được nhiều hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có thương hiệu và uy tín không chỉ tại thị trường trong nước mà còn được nhiều nước, nhiều bạn hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

7.4 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhân hiệu của Tổng công ty thương mại Quảng Trị



Về logo:

+ Tên gọi: SEPON GROUP là tập đoàn Sepon.

+ Ý nghĩa biểu tượng:

Hai quả núi và dòng sông chảy qua: Hiện thị sông Sê Pôn là con sông của Lào và Việt Nam (Nó bắt nguồn từ phía Tây dãy núi Trường Sơn trên địa bàn M.Samouay (Sa Muộn) huyện Nong, tỉnh Savannakhet của Lào, đi về hướng Tây Bắc vào địa phận huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam) Sê Pôn có cảnh quan rất đẹp, nối liền huyện Hương Hóa và tỉnh Savannakhet của Lào. Đây thể hiện sự kết nối giao thương giữa Việt Nam và Lào, đặc biệt là mối quan hệ giữa Công ty Thương mại Quảng Trị và các nước bạn Lào, Thái Lan trong hơn 40 năm qua. Tại huyện Hương Hóa các đơn vị đóng trên địa bàn cũng có mối giao thương, buôn bán với bạn Lào từ nhiều năm nay.

+ Ý nghĩa màu sắc:

Màu xanh: Biểu trưng cho năng lượng, sự thịnh vượng, tạo cho khách hàng cảm nhận về sự tin tưởng, đảm bảo, tạo cảm giác thanh bình và dễ mến. Màu xanh truyền cho người ta sự ổn định và gợi lên sự tin cậy.

Màu Trắng: Mang tính đơn giản, sạch sẽ và tinh khiết. Màu xanh sẽ được nổi bật lên nền màu trắng

+ Kiểu chữ: .vntime

+ Slogan: Nơi tỏa sáng tài năng của bạn

+ Các nhãn hiệu đã đăng ký: SEPON RICE, SEPON PEPPER, SEPON HOTEL, SEPON TAPIOCA (SEPON HÌNH 5 LÁ SỎ), SEPON MINIMART, SEPON TRAVEL, SEPON RUBBER, SEPON BOUTIQUE RESORT, SEPON WOOD PELLET..

7.5 Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 4: Một số hợp đồng xuất khẩu lớn đang thực hiện

STT	Tên hợp đồng	Trị giá	Thời điểm ký kết và thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong HĐ
1	Hợp đồng nhập khẩu	107.050 USD	01/7/2016	Nước giặt	Công ty liên doanh Lion Thái Lan
2	Hợp đồng nhập khẩu	72.957 USD	02/8/2016	Nước giặt	Công ty liên doanh Lion Thái Lan
3	Hợp đồng mua bán	1.036.000.000 VNĐ	14/6/2016	Cao su tự nhiên	Công ty TNHH Cao su Camel Việt Nam
4	Hợp đồng xuất khẩu	6.427.647.000 VNĐ	29/8/2016	Gỗ giáng hương xẻ	Công ty Lucky one ent - Hồng Kông
5	Hợp đồng mua bán	5.830.125.000 VNĐ	19/9/2016	Cao su tự nhiên SVR 3L & SVR 10L &	Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Xuân.
6	Hợp đồng mua bán	5.655.825.000 VNĐ	16/6/2016	Cao su tự nhiên SVR 3L & SVR 10L &	Công ty TNHH Vạn Lợi.
7	Hợp đồng mua bán	8.250.000.000 VNĐ	4/5/2016	Tinh bột sắn nhãn hiệu Sepon	Công ty TNHH MTV XNK thương mại Quảng Phát.
8	Hợp đồng mua bán	16.500.000.000 VNĐ	4/5/2016	Tinh bột sắn nhãn hiệu Sepon	Công ty TNHH MTV thương mại XNK Thiên

					Sơn Lộc.
9	Hợp đồng mua bán	7.975.000.000 VND	4/5/2016	Tinh bột sắn nhân hiệu Sepon	Công ty TNHH thương mại XNK và Xây dựng Hương Hiệp.

(Nguồn: Sepon Group)

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, 2015 và 06 tháng đầu năm 2016

Bảng 5: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, 2015 và 09 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng, giảm	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
			2015/2014	
Tổng giá trị tài sản	254.597.616.370	361.778.607.632	42,10	381.504.641.788
Doanh thu thuần	611.389.970.253	705.541.167.528	15,40	483.125.213.433
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	7.695.503.133	13.779.068.717	79,05	9.350.453.530
Lợi nhuận khác	141.740.909	238.147.698	68,02	35.295.726
Lợi nhuận trước thuế	7.837.244.042	14.017.216.415	78,85	9.385.749.256
Lợi nhuận sau thuế	7.202.144.299	14.017.216.415	94,63	9.385.749.256
Cổ tức	-	11.914.633.954	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	85,10%	-	-
Tỷ lệ cổ tức đã trả/VĐL	-	15,89%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015; BCTC Quý III/2016 của Sepon Group)

8.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Sepon Group trong năm 2015

↓ Thuận lợi:

- Luôn được sự quan tâm giúp đỡ và ủng hộ tích cực của tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến các địa phương trong các hoạt động của Công ty;
- Cty có truyền thống đoàn kết và sự phát triển ổn định trên 40 năm trong các lĩnh vực thương mại, sản xuất và kinh doanh dịch vụ, đội ngũ CBCNV có tâm, có tầm, có trách nhiệm. Công ty chuyển sang cổ phần hóa một cách tốt đẹp, người lao động yên tâm công tác; Công ty đang ổn định, thuận lợi và phát triển, uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường đã được khẳng định.
- Nhà nước ưu tiên cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.
- Cơ cấu hành chính, thể chế nhà nước thông thoáng.
- Chính sách lãi vay ngân hàng giảm.
- Chất lượng sản phẩm của Công ty được đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin đối với khách hàng trong và ngoài nước, đây là yếu tố quan trọng giúp cho Công ty mở rộng khách hàng và thị trường tiềm năng.
- Công tác quảng bá luôn được chú trọng, nâng cao khả năng cạnh tranh, xây dựng và phát triển thương hiệu, nhằm củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Công ty đã tận dụng tốt những lợi thế của mình để khai thác hiệu quả các yếu tố thuận lợi của môi trường kinh doanh.

⬇ Khó khăn:

- Tình hình chính trị kinh tế thế giới và khu vực nhất là khu vực biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp cản trở sự phục hồi tăng trưởng kinh tế, thị trường trong nước và xuất khẩu phục hồi chậm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Môi trường kinh doanh không thuận lợi, sức mua thấp, giá cả không ổn định, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty cụ thể:
 - + Thị trường nông sản vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi
 - + Giá cao su và giá dầu mỏ ngày càng giảm sâu.
 - + Nhà nước thắt chặt vấn đề về bảo vệ môi trường.

- + Thời tiết khí hậu biến đổi liên tục không theo quy luật cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến Công ty.
- + Chính sách của Chính phủ có nhiều thay đổi, nhất là chính sách về khu kinh tế Cửa khẩu chưa được tháo gỡ.
- + Một số mặt hàng nhập khẩu độc quyền của Công ty chúng ta nay đã có sự cạnh tranh của các đối thủ khác.
- + Hàng giả, hàng nhái, hàng lậu tràn lan thị trường, chưa được kiểm soát tốt nên gây khó khăn cho Cty trong chiến lược nhập khẩu, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa;
- Khi gia nhập AEC, TPP..., doanh nghiệp sẽ có nguy cơ mất thị trường nội địa vào tay các doanh nghiệp nước Asean nếu không có chiến lược và định hướng đúng.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

✓ Ngành thương mại:

Sepon Group chịu sự cạnh tranh gay gắt không chỉ từ thị trường trong nước mà ngay cả thị trường nước ngoài từ nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu và bán buôn. Tuy nhiên, Sepon Group cũng có những lợi thế cạnh tranh nhất định, cụ thể:

- Kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực thương mại;
- Vị trí địa lý thuận lợi: Tỉnh Quảng Trị chứa cửa khẩu Lao Bảo, cửa khẩu Lalay (tiếp giáp Lào) và thuận lợi trong giao thương với các nước khác như Thái Lan, Campuchia;
- Nguồn chất lượng sản phẩm cao, mẫu mã độc đáo, chủng loại phong phú;
- Hệ thống phân phối rộng;

✓ Ngành sản xuất, chế biến:

Là công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, chế biến với các lợi thế sau:

- Kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến;
- Các nhà máy sản xuất như : Nhà máy Tinh bột sắn Hướng Hóa, Nhà máy chế biến mùn cao su Cam Lộ, Nhà máy chế biến nông sản Đông Hà, Nhà máy sản xuất viên năng lượng... ở sát nguồn cung cấp nguyên liệu nên doanh nghiệp có nguồn cung ổn định và quy trình kiểm soát đầu vào hiệu quả với giá thành hợp lý.

- Hệ thống phân phối rộng;
- Máy móc thiết bị hiện đại, xưởng chế biến chuyên biệt;
- ✓ **Ngành dịch vụ nhà hàng, khách sạn và lữ hành, nghỉ dưỡng:**

Sepon Group chịu sự cạnh tranh gay gắt không chỉ từ thị trường trong nước mà ngay cả thị trường nước ngoài từ nhiều doanh nghiệp xuất nhà hàng, khách sạn, lữ hành và nghỉ dưỡng. Qua quá trình hoạt động, Sepon Group đã xây dựng được thương hiệu vững mạnh dựa trên những lợi thế sau:

- Kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, lữ hành và nghỉ dưỡng;
- Quảng Trị là tỉnh có vị trí thuận lợi với các bãi biển đẹp, nổi tiếng như biển Cửa Việt, Cửa Tùng, Mỹ Thủy, Gio Hải,...thuận lợi cho việc kinh doanh khách sạn, du lịch, nghỉ dưỡng.
- Các doanh nghiệp du lịch lữ hành, khách sạn trên địa bàn còn nhỏ và thiếu chuyên nghiệp, nên Sepon hiện đang dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh này.

Nhìn chung, trải qua hơn 43 năm hình thành và phát triển đến hôm nay Tổng công ty thương mại Quảng Trị là một trong những đơn vị mạnh của Tỉnh, Công ty không ngừng mở rộng và phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Công ty đạt từ 15 - 20%; Doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước. Bên cạnh đó, mặt bằng thu nhập của người lao động đứng nhất nhì so với các đơn vị kinh doanh sản xuất trong Tỉnh.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

- ✓ **Ngành thương mại:**
- Hàng trăm hiệp định thương mại song phương và đa phương được ký kết tạo điều kiện thuận lợi để đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập nhanh với khu vực và quốc tế.
- Doanh nghiệp Việt Nam đã có quan hệ xuất nhập khẩu với gần 220 nước và khu vực lãnh thổ.
- Bộ Thương mại đang thúc đẩy và tư vấn xây dựng hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý mang tính bình đẳng, hội nhập nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi.

- Đến nay, chúng ta đã có 7 nhóm ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu từ 500 triệu USD trở lên; Nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu có thứ hạng cao trên thị trường thế giới.
- ✓ **Ngành sản xuất, chế biến:**
 - Cơ cấu ngành nông nghiệp được định hướng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đẩy mạnh liên kết và gia tăng đầu tư, ứng dụng công nghệ cao vào trồng trọt. Do đó, ngoại trừ sự ảnh hưởng các điều kiện tự nhiên không kiểm soát được như thiên tai, dịch bệnh..., nguồn cung cho doanh nghiệp sẽ vẫn ổn định và có thể kiểm soát được.
 - Động lực phát triển của ngành sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp cũng đến từ đẩy mạnh công tác thị trường nước ngoài, xúc tiến thương mại đối với các mặt hàng nông - lâm - thủy sản; tăng cường phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công thương, trong đó có hệ thống Thương vụ tại nước ngoài; Xây dựng mạng lưới thông tin thông suốt, thúc đẩy quan hệ, khâu nối xuất - nhập khẩu nông - lâm - thủy sản, kết nối giữa các thị trường với Việt Nam.
 - Đặc biệt, đột phá trong nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao, trước hết trong bảo quản, bảo đảm được chất lượng và thời gian vận chuyển sản phẩm sau thu hoạch, đồng thời hiện đại hóa, nâng cấp văn minh thương mại, khắc phục tình trạng bán hàng kiểu đồ đồng, không bao bì, nhãn mác, thương hiệu không áp phích, poster giới thiệu... là những động lực mới, mở ra cơ hội mới, kỳ vọng mới phát triển bền vững và hiệu quả hơn cho ngành sản xuất, chế biến nông sản Việt Nam.
- ✓ **Ngành dịch vụ nhà hàng, khách sạn và lữ hành, nghỉ dưỡng:**
 - Chính sách nới lỏng thị thực, cải thiện hoạt động hàng không, phát triển du lịch biển và khai thác nhiều điểm đến mới lạ của Việt Nam sẽ phát huy hiệu quả trong đẩy mạnh phát triển du lịch.
 - Việt Nam đã và đang khẳng định được vị thế của mình về ngành dịch vụ, du lịch với hệ thống đa dạng các danh lam thắng cảnh, biển, các khu nghỉ dưỡng. Theo tổng cục du lịch Việt Nam, lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 8/2016 ước đạt 899.738 lượt, tăng 6,3% so với tháng 7/2016 và tăng 34,4% so với cùng kỳ năm 2015. Tính chung 8 tháng năm 2016 ước đạt 6.452.373 lượt khách, tăng 25,4% so

với cùng kỳ năm 2015. Đó là một trong những điều kiện ủng hộ lớn cho sự phát triển của ngành.

- Đời sống của người dân trong nước đang ngày càng được cải thiện, xu hướng tìm đến các địa điểm nghỉ dưỡng, du lịch của dân cư Việt ngày càng tăng. Đó cũng là yếu tố then chốt trong việc duy trì và phát triển ngành.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

*** Mục tiêu phát triển của Công ty.**

- Xây dựng chiến lược kinh doanh đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tìm kiếm và mở rộng thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng ổn định, bền vững.
- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định.
- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Tập trung khai thác, phát triển, đầu tư công nghệ mới để tăng tính cạnh tranh, tăng doanh thu. Đẩy nhanh tốc độ đầu tư hoàn thiện các dự án của Công ty, mở rộng địa bàn hoạt động, khai thác và tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế về kinh doanh xuất nhập khẩu, tiêu thụ, cung ứng, bao tiêu, để đa dạng hóa ngành nghề.
- Đảm bảo nhân sự của Công ty hoạt động đồng bộ và làm việc hiệu quả.
- Khuyến khích người lao động tham gia sáng tạo trong SXKD, đưa nhiều ý tưởng, sáng kiến hay cách làm mới để tiết giảm chi phí, tiết kiệm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Tập trung đầu tư thời gian, trí tuệ tìm hiểu thị trường, đối tác, nghiên cứu đổi mới hoạt động, ngành nghề phù hợp với lợi thế hiện có của Công ty. Tiếp tục duy trì hoạt động hiện nay ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên.
- Kiểm soát chi phí, tiết kiệm chi tiêu đảm bảo hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải vừa đảm bảo được mục tiêu phát triển vừa bảo vệ được môi trường.

- Tăng cường hội nhập, mở rộng bạn hàng, đối tác, chuyển hướng thị trường sang các nước Hàn Quốc, Philipin, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Mỹ và các nước Châu Âu để giảm sự lệ thuộc thị trường Trung Quốc.

*** Hướng phát triển:**

- Cùng cố và duy trì các mặt hàng, nguồn hàng, ngành hàng và tìm thị trường đầu ra ổn định hơn cho các sản phẩm của công ty sản xuất và kinh doanh.

- Kế thừa và phát huy tốt hơn thị trường, bạn hàng truyền thống của Công ty, đầu tư sâu vào các sản phẩm để nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm cạnh tranh.

- Chú trọng nhiều hơn việc sản xuất các sản phẩm sạch và giữ gìn tốt vệ sinh môi trường, quy hoạch các vùng nguyên liệu để ổn định sản xuất lâu dài cho các nhà máy.

- Đầu tư nhiều hơn cho nông nghiệp nông thôn và nông dân, nhất là các sản phẩm của tỉnh nhà đã được thị trường trong và ngoài nước biết đến như: Tiêu Cù, Tinh bột sắn, Cao su, viên nén, gỗ xẻ FSC, Lạc, ớt, gạo, trà gừng, sả...

- Đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu vùng xa.

- Mở rộng các văn phòng đại diện trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Ổn định đời sống, công ăn việc làm và tăng thu nhập ngày càng cao cho CBCNV và người lao động.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CBCNV

Tổng số lao động của Sepon Group tính đến thời điểm 30/09/2016 là 522 người. Cụ thể như sau:

Bảng 6: Cơ cấu lao động của Sepon Group tính đến thời điểm 30/09/2016

Phân loại	Số người	Tỷ trọng %
Tổng số lao động	522	100
<i>Trong đó:</i>		
1. Cán bộ nhân viên quản lý	52	10
2. Theo trình độ		
- Đại học và trên đại học	163	31,2
- Cao đẳng	70	13,4
- Trung cấp	96	18,4

- Lao động phổ thông	193	37
3. Theo tính chất hợp đồng		
- Hợp đồng lao động	442	84,7
- Thử việc	80	15,3
4. Theo giới tính		
- Nam	344	65,9
- Nữ	178	34,1

(Nguồn: Sepon Group)

10.2. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố hết sức quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, nên công ty đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, lành nghề, năng động, sáng tạo lên hàng đầu trong chính sách lao động của Công ty.

❖ Chế độ và điều kiện làm việc:

Thời gian làm việc: Số giờ làm việc trong tuần là 48giờ/tuần, số giờ làm việc trong ngày là 8giờ/ngày;

Được trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động theo đúng quy định và điều kiện đặc thù tại từng môi trường làm việc;

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và nội quy quy chế của cơ quan;

Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

❖ Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và nội quy quy chế của cơ quan;

Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

❖ Chính sách tiền lương:

Chế độ tiền lương được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định hiện-hành của Nhà nước và căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị và toàn Công ty để thực hiện, kết hợp với hiệu quả công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, vị trí, trách nhiệm của người lao động, các yếu tố ảnh hưởng như: Mặt bằng thị trường lao động và thu nhập tại địa phương, hệ số trượt giá...

Quy chế trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc, thu nhập của người lao động luôn được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước;

Chính sách khen thưởng-kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động sáng tạo, nâng cao năng suất lao động..

Chế độ phúc lợi: Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng chế độ của Luật lao động. Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp khác ưu tiên cho người lao động.

❖ **Chính sách tuyển dụng đào tạo:**

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ tay nghề tùy theo yêu cầu công việc của từng hòng ban bộ phận đơn vị cơ sở để Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể.

Đào tạo: Công ty ban hành quy chế tuyển dụng và đào tạo minh bạch, rõ ràng, trách nhiệm, với hình thức đào tạo tại chỗ, chuyên sâu, tạo điều kiện cho người lao động gần học đi đôi với hành, phát huy năng lực bản thân, kỹ năng công việc;

Hàng năm công ty tổ chức tập huấn, đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý để nâng cao công tác điều hành và quản trị rủi ro.

❖ **Các chính sách khác:**

Theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT đã xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trình Đại hội cổ đông, phương án này xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà công ty thu được từ hoạt động SXKD trong năm tài chính.

Bên cạnh đó Công ty lên kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược hoạt động kinh doanh trong năm tới và dự kiến mức chi trả cổ tức hợp lý. Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi phân bổ các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng phúc lợi... Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chính sách chi trả cổ tức:

STT	Năm	Tỷ lệ cổ tức %	Hình thức (TM/CP)	Thời gian thực hiện
1	2015	15,89%	Tiền mặt	
2	2016 (dự kiến)	$\geq 12\%$	TM/CP	Sau khi ĐHĐCĐ thông qua.

12. Tình hình tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm hiện tại: 75.000.000.000 đồng
 Vốn chủ sở hữu của Công ty tính đến 30/09/2016 là: 86.846.093.584 đồng

Năm 2015, Công ty đã sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn vay ngân hàng và nguồn vay từ cá nhân để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Trích khấu hao Tài sản cố định**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Bảng 7: Thời gian khấu hao TSCĐ

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10

❖ **Mức lương bình quân :**

Ngoài các khoản phải trả cho người lao động theo luật định như tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Tổng thu nhập bình quân năm 2015 là 8.000.000 đồng/người/tháng tăng 14% so với kế hoạch năm 2015. Đây là mức thu nhập cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, cùng địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và theo đúng cam kết các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước. Số dư các khoản phải nộp Nhà nước tại các thời điểm thể hiện như sau:

Bảng 8: Số dư các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Thuế GTGT	549.005.772	1.227.463.744	2.622.988.581
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	52.683.513
Thuế TNDN	635.099.743	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.765.097	276.123.002
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	113.995.000	-	-
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	1.298.100.515	1.232.228.841	2.951.795.096

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015; BCTC Quý III năm 2016 của Sepon Group)

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

Mức trích lập quỹ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên hàng năm. ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Sepon Group đã thông qua tỷ lệ trích lập các quỹ cho năm tài chính 2015 như sau:

Các quỹ của doanh nghiệp

Mức trích lập (đồng)

✚ Quỹ đầu tư phát triển	280.344.328
✚ Quỹ khen thưởng	1.121.377.313
✚ Quỹ thưởng ban điều hành	379.596.000
✚ Quỹ phúc lợi	700.860.820

Số dư các quỹ đến các thời điểm thể hiện như sau:

Bảng 9: Số dư các quỹ theo luật định

Đơn vị tính: đồng

Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	280.344.328
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.278.694.290	1.539.804.885	1.334.393.018

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015; BCTC Quý III/2016 của Sepon Group)

❖ Tổng dư nợ vay

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư, Công ty đã thực hiện các khoản vay với các ngân hàng. Công ty thực hiện tốt việc hoàn trả gốc và lãi vay đúng hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Số dư các khoản vay của Sepon Group tại các thời điểm như sau:

Bảng 10: Chi tiết vay và nợ

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Vay ngắn hạn	64.440.107.651	72.382.056.310	53.758.675.830
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>64.440.107.651</i>	<i>72.382.056.310</i>	<i>53.758.675.830</i>
-Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN Quảng Trị	22.886.110.000	54.823.713.936	20.393.565.237
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quảng Trị	15.726.492.208	-	22.733.153.926
-Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị	25.827.505.443	17.558.342.374	10.631.956.667
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-
II. Vay dài hạn	101.467.532.616	159.261.650.371	206.489.118.042
-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Quảng Trị	309.250.000	865.300.000	733.000.000
-Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN Quảng Trị	44.407.899.798	41.660.616.798	44.768.259.661
-Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị	25.175.849.015	19.501.019.000	26.050.266.054
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quảng Trị	14.754.295.000	29.073.214.279	-
-Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	1.454.250.000	-
- Ngân hàng SeaBank Huế	-	-	1.236.112.500
- Ngân hàng BIDV Quảng Trị	-	-	58.162.867.000
-Vay cá nhân	16.820.238.803	66.707.250.294	75.538.612.827

* Thông tin chi tiết về các khoản tiền dư nợ vay có tại Thuyết minh báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 của Công ty.

❖ Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 11: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
<i>I. Các khoản phải thu ngắn hạn*</i>	<i>21.463.081.359</i>	<i>33.522.146.140</i>	<i>44.859.660.379</i>
- Phải thu khách hàng	2.264.070.442	4.636.553.182	20.996.766.046
- Trả trước cho người bán	18.499.477.507	28.305.055.150	23.862.894.333
- Các khoản phải thu khác	699.533.410	580.537.808	-
<i>II. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Tổng khoản phải thu	21.463.081.359	33.672.146.140	45.009.660.379

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015; BCTC Quý III/2016 của Sepon Group)

*Số liệu được chủ thích tại bảng 12.3 Số liệu so sánh

Bảng 12: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>107.030.535.244</i>	<i>100.276.249.022</i>	<i>85.123.671.531</i>
- Vay ngắn hạn	64.440.107.651	72.382.056.310	53.758.675.830
- Phải trả cho người bán	5.363.576.189	3.141.288.695	10.179.596.524
- Người mua trả tiền trước	11.706.989.622	17.260.630.966	10.997.071.209
- Thuế và các khoản phải nộp NN	1.298.100.515	1.232.228.841	2.951.795.096
- Phải trả người lao động	4.100.000.000	2.884.000.000	4.131.969.100
- Chi phí phải trả	505.213.647	1.258.704.353	1.237.885.893
- Phải trả, phải nộp khác	12.337.853.330	577.534.972	532.284.861
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.278.694.290	1.539.804.885	1.334.393.018

<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>102.387.081.126</i>	<i>170.305.142.195</i>	<i>209.534.876.673</i>
- Vay dài hạn	101.467.532.616	159.261.650.371	206.489.118.042
- Phải trả dài hạn khác	919.548.510	11.043.491.824	3.045.758.631
Tổng nợ phải trả	209.417.616.370	270.581.391.217	294.658.548.204

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015; BCTC Quý III/2016 của Sepon Group)

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	9T/2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,65	1,08	1,00
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,28	0,76	0,63
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
- Hệ số Nợ / Tổng tài sản	lần	0,82	0,75	0,77
- Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	4,64	2,97	3,39
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	lần	2,40	1,95	1,27
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	11,77	16,18	12,54
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	1,18	1,99	1,94
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,94	15,37	10,81
- Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	%	2,83	3,87	2,46
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	1,26	1,95	1,94
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	-	1.869	1.251

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, quý III 2016)

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của doanh nghiệp năm 2015 đều tốt hơn so với năm 2014. Tại năm 2015, hệ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1 cho thấy các tài sản ngắn hạn của công ty như tiền mặt, hàng tồn kho, các khoản phải thu đảm bảo được cho các khoản nợ ngắn hạn của công ty. Hệ số thanh toán nhanh bé hơn 1 (0,76) cho

thấy việc hoàn trả các tài sản ngắn hạn của công ty không dùng đến khoản Hàng tồn kho cần phải được xem xét cẩn thận.

Dựa vào các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, ta có thể thấy được trên 75% tài sản của công ty được hình thành từ các khoản nợ vay. Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu năm 2015 giảm so với năm 2014 cho thấy công ty đã chủ động hơn về nguồn vốn của mình tuy nhiên hệ số này ở mức khá cao cho thấy mức độ phụ thuộc của Sepon Group đối với chủ nợ, rủi ro kinh doanh của Sepon Group là khá lớn. Nếu tình hình kinh doanh tốt, công ty có thể sử dụng đòn bẩy tài chính này để gia tăng khả năng sinh lợi cho mình. Còn nếu tình hình kinh doanh không tốt thì chi phí tài chính cho các khoản vay trên sẽ là gánh nặng cho Sepon Group.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2015 nhanh hơn năm 2014 cho thấy khả năng quản trị hàng tồn kho của công ty đã tốt dần lên. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Sepon Group năm 2015 so với 2014 lại giảm.

12.3 Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Bảng 14: Số liệu so sánh

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	699.533.410	928.534.638
Tài sản ngắn hạn khác	379.001.228	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	211.000.000
Đầu tư dài hạn khác	211.000.000	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch HĐQT

Ông: Phan Văn Sinh

- | | | |
|----|-----------------|---------------------|
| b. | Thành viên HĐQT | Ông: Hồ Xuân Hiếu |
| c. | Thành viên HĐQT | Ông: Lê Quang Nhật |
| d. | Thành viên HĐQT | Ông: Phan Chí Ngang |
| e. | Thành viên HĐQT | Ông : Mai Chiếm An |

13.2 Ban Kiểm soát:

- | | | |
|----|--------------------------|-----------------------------|
| a. | Trưởng Ban kiểm soát | Ông: Mai Chiếm Hùng |
| b. | Thành viên Ban kiểm soát | Bà : Nguyễn Thanh Kiều Oanh |
| c. | Thành viên Ban kiểm soát | Ông : Lê Ngọc Sáng |

13.3 Ban Tổng Giám đốc

- | | | |
|----|-------------------|--------------------|
| a. | Tổng Giám đốc | Ông: Hồ Xuân Hiếu |
| b. | Phó Tổng Giám đốc | Ông: Phan Văn Sinh |
| c. | Phó Tổng Giám đốc | Ông: Lê Quang Nhật |

13.4 Kế toán trưởng

Ông: Mai Chiếm An

13.5 Lý lịch cá nhân các thành viên Ban lãnh đạo**i. Ông Phan Văn Sinh - Chủ tịch HĐQT**

1. Họ và tên: PHAN VĂN SINH
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 28/12/1956
4. Nơi sinh: Cam Chính – Cam Lộ - Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP6, Phường I, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197018965 Cấp ngày: 19/8/2012 tại: CA Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903 500 571
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD, Cử nhân lịch sử
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1981 - 12/1988	Xiêm Riệp - Campuchia.	Chuyên gia kinh tế Việt Nam, kiêm phó giám đốc công trình xây dựng
01/1989 - 06/1989	Ban kinh tế đối ngoại Bình Trị Thiên.	Phó phòng kế hoạch
07/1989 - 01/1992	Ban kinh tế đối ngoại tỉnh Quảng Trị.	Chuyên viên
02/1992 - 03/1996	Công ty Thương mại Q.Trị.	Trưởng phòng XNK
04/1996 - 07/2002	Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị tại Đà Nẵng	Giám đốc
08/2002 - 03/2006	Phó giám đốc Công ty Thương mại Quảng Trị	Phó giám đốc Công ty
04/2006 - 04/2010	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị.	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Phó Giám đốc Công ty, Chủ tịch Công đoàn cơ sở.
05/2010 - 12/2010	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị	HĐTV, Phó Tổng Giám đốc
12/2010 - 12/2014	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị	Chủ tịch HĐTV, Phó Tổng giám đốc
2015-nay	Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 309.200 cổ phần; tỷ lệ: 4,12%

Số cổ phần sở hữu đại diện vốn nhà nước: 1.290.000 cổ phần; tỷ lệ: 30%

Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty CP Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 32.000.000 đồng/người/tháng.

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:
Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước.

ii. Ông Hồ Xuân Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

1. Họ và tên: HỒ XUÂN HIẾU
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/9/1975
4. Nơi sinh: Tiên Mỹ - Vĩnh Lâm - Vĩnh Linh - Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197018909 Cấp ngày: 15/7/2014 tại: CA Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903580190
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chế tạo máy
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty, Giám đốc NM viên năng lượng Cam Lộ
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1998 - 09/2000	Phó Trưởng phòng Quản lý sản xuất chi nhánh Công ty SCANVIWOOD tại Huế	Nhân viên
010/2000 - 12/2003	Nhân viên Công ty Thương mại Quảng Trị	Nhân viên
001/2004 - 03/2010	Giám đốc Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa thuộc Công ty Thương mại Quảng Trị	Phó giám đốc
04/2010 - 06/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Thương mại Quảng Trị, Giám đốc Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa.	Phó Tổng Giám đốc Công ty Thương mại Quảng Trị, Giám đốc Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa.

07/2010 - 01/2014	Tổng Giám đốc Công ty Thương mại Quảng Trị, Giám đốc Nhà máy chế biến mủ cao su Cam Lộ.	Tổng Giám đốc
02/2014 đến nay	Ủy viên Ban Chấp hành Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam (từ 7/2014), Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Trị (từ 8/2015); Tổng Giám đốc Công ty Thương mại Quảng Trị, Giám đốc Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ.	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 606.315 cổ phần; tỷ lệ: 8,08 %
- Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 1.290.000 cổ phần; tỷ lệ: 30 %
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 31.000.000 đồng/người/tháng.

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước

iii. Ông Lê Quang Nhật – Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

1. Họ và tên: LÊ QUANG NHẬT

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 9/4/1972

4. Nơi sinh: Đông Hà – Quảng Trị

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 1, Phường Đông Giang, Đông Hà, Quảng Trị.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 191289578 Cấp ngày: 15/9/2004 tại: CA Quảng Trị

8. Điện thoại liên hệ: 0905008678

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Cử nhân kinh tế.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc CN XNK Toàn Cầu, Giám đốc CN TPHCM

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997-2000	Ngân hàng Databank thành phố HCM	Nhân viên
2001-2002	Công ty vận tải và XNK Sông Bình TP HCM	Nhân viên
2002-03/2004	Công ty vận tải biển TP HCM	Nhân viên
04/2004-03/2005	Các tổ chức: Cứu trợ trẻ em của Mỹ tại Quảng Trị;	Trợ lý hành chính
05/2005-07/2007	Công ty Thương mại Quảng Trị	Chuyên viên nghiệp vụ XNK
08/2007-02/2009	Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị	Tổ trưởng tổ giúp việc, trợ lý Tổng giám đốc
03/2009-03/2010	Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị tại khu Kinh tế TM ĐB Lao Bảo	Phó Giám đốc
04/2010- nay	Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị tại An Giang	Giám đốc
07/2010-02/2012	Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị tại khu Kinh tế TM ĐB Lao Bảo và kiêm Giám đốc Chi nhánh công ty tại TP HCM	Quyền Giám đốc
03/2012-01/2014	Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị Tại TP Hồ Chí Minh & An	Giám đốc

	Giang kiêm giám đốc chi nhánh XNK Toàn Cầu.	
02/2014- nay	kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị Tại TP Hồ Chí Minh & An Giang kiêm giám đốc chi nhánh Xuất nhập khẩu Toàn Cầu (Nay là Tổng công ty Thương mại Quảng Trị)	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 203.840 cổ phần; tỷ lệ: 2,72%
- Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 860.000 cổ phần; tỷ lệ: 20%
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty CP Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 28.000.000 đồng/người/tháng.

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước.

iv. Ông Mai Chiêm An – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

1. Họ và tên: MAI CHIÊM AN

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 2/3/1975

4. Nơi sinh:

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 3, Phường Đông Giang, Đông Hà, Quảng Trị

7. Chứng minh thư nhân dân số: 197012018 cấp ngày: 12/11/2007 tại: CA Quảng Trị

8. Điện thoại liên hệ: 0903502777

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Cử nhân kinh tế.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:

Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc TT DV DL Cửa Việt

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1999 - 12/2001	Công ty Thương mại Quảng trị.	Nhân viên Kế toán
01/2002 - 12/2004	Công ty Thương mại Quảng trị.	Kế toán tổng hợp
01/2005 - 12/2007	Công ty Thương mại Quảng trị.	Phó phòng kế toán
01/2008 - 12/2009	Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị.	Kế toán trưởng Công ty
01/2010 đến 2014:	Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng công ty
2014- nay	Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng công ty

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 365.979 cổ phần; tỷ lệ: 4,88 %
- Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 860.000 cổ phần; tỷ lệ: 20 %
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 29.000.000 đồng/người/tháng.

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước.

v. Ông Phan Chí Ngang – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: PHAN CHÍ NGANG

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 25/8/1960
4. Nơi sinh: Triệu Trạch – Triệu Phong – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP1, Phường 5, Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 191240102 Cấp ngày: 25/4/2001 tại: CA Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0914 312 234
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD, Trung cấp lao động tiền lương.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên HĐQT, Chánh văn phòng Công ty.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1983-11/1985	Cty KD tổng hợp Bình Trị Thiên	Nhân viên
12/1987-12/1993	Xí nghiệp vật liệu điện máy và chất đốt Quảng Trị	Nhân viên
01/1994-12/1998	Phòng Tổ chức Công ty Thương mại Quảng Trị	Nhân viên
01/1999-12/2008	Tổ chức Hành chính Công ty Thương mại Quảng Trị	Phó phòng
01/2009-03/2011	Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị	Phó phòng TCHC
04/2011- 12/2014	Công ty TNHH MTV TM Q.Trị	TV HĐQT, Trưởng phòng TCHC
01/2015- nay	Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị.	Thành viên HĐQT, Chánh văn phòng.

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 21.656 cổ phần; tỷ lệ: 0,29 %
 - Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 18.385.000 đồng/người/tháng.
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước.

vi. Ông Mai Chiêm Hùng – Trưởng ban kiểm soát

1. Họ và tên: MAI CHIÊM HÙNG
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 22/6/1973
4. Nơi sinh: Đông Giang – Đông Hà – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Đông Giang, Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 191289543 Cấp ngày: 3/6/2008 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0905292119
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Trưởng ban kiểm soát Công ty
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1994-2001	Khách sạn Đông Trường Sơn	Nhân viên lễ tân
2002 - 2006	Chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty thương mại Quảng Trị	Nhân viên Kế toán
2007- 2009	Trung tâm Hùng Vương thuộc Công ty thương mại Q.Trị	Nhân viên Kế toán
2010 - 06/2011	Công ty CP Lữ hành Sepon thuộc Công ty thương mại Quảng Trị	Kế toán trưởng
07/2011-01/2015	Công ty TNHH MTV thương mại Quảng Trị	Kiểm soát viên
01/2015 - nay	Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	Trưởng ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 13.478 cổ phần; tỷ lệ: 0,18 %
- Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ:
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

17. Thủ lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 13.800.000 đồng/người/tháng.

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước.

vii. Bà Nguyễn Thanh Kiều Oanh – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: NGUYỄN THANH KIỀU OANH
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 27/11/1982
4. Nơi sinh: Đông Hà – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 165 Hàm Nghi, Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197098266 Cấp ngày: 16/6/2012 tại: CA Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903556900
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Kế toán trưởng CN XNK SePon
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2007 - 12/2012	Văn phòng công ty TNHH một thành viên thương mại Quảng Trị.	Kế toán viên

01/2013- 01/2014	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị Chi nhánh XNK Sepon thuộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị	Nhân viên Kế toán Kế toán trưởng
01/2015- nay	Tổng công ty Thương mại Quảng Trị Chi nhánh XNK Sepon thuộc Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	Thành viên Ban kiểm soát Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 24.394 cổ phần; tỷ lệ: 0,33%

Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 10.854.000 đồng/người/tháng.

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước.

viii. Ông Lê Ngọc Sáng – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: LÊ NGỌC SÁNG

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 28/8/1979

4. Nơi sinh: Triệu Trạch – Triệu Phong – Quảng Trị

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối 2, TT Khe Sanh, Hướng Hoá, Quảng Trị

7. Chứng minh thư nhân dân số: 197054916 Cấp ngày: 28/6/2011 tại: CA Quảng Trị

8. Điện thoại liên hệ: 0905749777

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:
Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Kế toán trưởng NM TBS Hướng Hóa
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2003-03/2005	Kế toán Cty TM TH Miền núi Quảng Trị	Kế toán viên
04/2005- 06/2007	Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa thuộc Công ty Thương mại Quảng Trị	Kế toán tổng hợp
07/2007- 03/2009	Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị	Phụ trách Kế toán
04/2009- 12/2014	Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị	Kế toán trưởng
12/2014- nay	Ban kiểm soát Tổng công ty thương mại Quảng Trị Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa thuộc Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị	Thành viên Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 15.021 cổ phần; tỷ lệ: 0,2%
 - Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: 22.600.000đồng/người/tháng.
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:
Được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của nhà nước.

14. Tài sản
Bảng 15: Tình hình tài sản cố định Sepon Group tại 31/12/2015
Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<i>I. TSCĐ hữu hình</i>	<i>320.897.510.591</i>	<i>76.008.414.199</i>	<i>244.889.096.392</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	234.058.444.046	52.651.818.588	181.406.625.458
- Máy móc, thiết bị	75.823.452.757	19.502.636.256	56.320.816.501
- Phương tiện vận tải	9.351.446.788	3.690.305.920	5.661.140.868
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	405.309.000	128.685.157	276.623.843
- TSCĐ hữu hình khác	1.258.858.000	34.968.278	1.223.889.722
<i>II. TSCĐ vô hình</i>	<i>477.000.000</i>	<i>339.625.001</i>	<i>137.374.999</i>
- Phần mềm máy vi tính	477.000.000	339.625.001	137.374.999

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015)
Bảng 16: Tình hình tài sản cố định Sepon Group tại 30/09/2016
Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<i>I. TSCĐ hữu hình</i>	<i>349.744.307.800</i>	<i>89.824.722.366</i>	<i>259.919.585.434</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	261.195.602.376	60.745.819.228	200.449.783.148
- Máy móc, thiết bị	78.072.683.272	24.459.506.886	53.613.176.386
- Phương tiện vận tải	10.070.713.152	4.441.013.455	5.629.699.697
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	405.309.000	178.382.797	226.926.203
<i>II. TSCĐ vô hình</i>	<i>15.741.600.000</i>	<i>398.500.004</i>	<i>15.343.099.996</i>
- Phần mềm máy vi tính	477.000.000	398.500.004	78.499.996
- Quyền sử dụng đất	15.264.600.000	-	15.264.600.000

(Nguồn: BCTC Quý III/2016)

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo
15.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh:
Bảng 17: Kế hoạch SXKD của Sepon Group năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	
		Giá trị	±/ 2015
Vốn điều lệ	Triệu đồng	84.000	12%
Kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	27	8%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	750.000	6,38%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.000	0%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	%	1,87	-0,11%
Tỷ lệ LNST/Vốn đầu tư của CSH	%	16,7	-2%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	12	-3,89

(Nguồn: Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016)

✓ **Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.**

Trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư như hiện tại, để đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành cùng với các phòng ban đơn vị cơ sở Công ty thống nhất đề ra các giải pháp sau:

Về công tác sản xuất :

- Làm tốt công tác phối hợp, liên kết giữa nông dân với Nhà máy, xây dựng vùng nguyên liệu cho các nhà máy, đặc biệt là gỗ F.S.C cho nhà máy viên năng lượng.
- Khuyến khích bà con nông dân bón phân, thâm canh các cây trồng làm nguyên liệu cho Nhà máy Tinh bột sắn, cao su, nông sản.
- Bố trí lao động và phương tiện hợp lý, quản lý sử dụng máy móc thiết bị chặt chẽ, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ phù hợp đảm bảo hoạt động tốt và nâng cao tuổi thọ của máy.

Về kinh doanh- dịch vụ:

- Giữ vững ổn định các khách hàng mua cao su như Camel, Cao su Đà Nẵng để có chiến lược bán phù hợp.

- Tìm kiếm các khách hàng ổn định cho sản phẩm viên nén và gỗ rừng trồng, phát triển thị trường Nhật Bản, TQ; nâng cao chất lượng sản phẩm viên nén.
- Tăng cường công tác thu mua chế biến hàng nông sản như: Tiêu, lạc, ớt, gạo tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, đồng thời phát triển mạng lưới hàng nông sản do Công ty sản xuất vào các siêu thị. Nhập khẩu các sản phẩm nông sản từ Lào.
- Duy trì và phát triển mạng lưới tiêu thụ tại các tỉnh thành trong cả nước, chú trọng cung cấp nguồn hàng ổn định cho các siêu thị lớn và các đối tác uy tín. Tìm kiếm mặt hàng mới khi Việt Nam gia nhập TPP.
- Nâng cao chất lượng phục vụ trong hoạt động khách sạn, nghỉ dưỡng để thu hút được khách hàng, nâng cao hiệu quả kinh tế và giữ vững uy tín thương hiệu. Tăng cường liên kết với các công ty du lịch, lữ hành trong và ngoài tỉnh để thu hút khách hàng.

Về đầu tư, xây dựng cơ bản.

- Hoàn thiện đầu tư một số hạng mục tại các đơn vị như nhà máy tinh bột sắn, nông sản, resort.
- Tiếp tục xây dựng nhà văn phòng và nhà kho cho chi nhánh TP HCM, phần đầu khai trương vào tháng 11/2016.
- Theo dõi việc đầu tư dây chuyền chế biến thức ăn chăn nuôi tại Nhà máy chế biến nông sản Đông Hà.

Về tài chính:

- Cùng cố và phát triển các mối quan hệ, huy động mọi nguồn lực bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tìm kiếm, lựa chọn nguồn vốn vay có lãi suất thấp nhằm giảm thiểu chi phí tài chính.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát phân tích kịp thời nhằm phát hiện những phát sinh, bất cập trong hoạt động SXKD, để có giải pháp phù hợp, kịp thời bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Về nhân lực:

- Rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ nhân viên trên cơ sở năng lực sở trường đúng với công việc nhằm phát huy khả năng thực thi và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thông qua hoạt động đào tạo, đào tạo lại, học hỏi kinh nghiệm nâng cao tay nghề, chất lượng nguồn nhân lực, có chế độ đãi ngộ thích hợp tạo động lực để giữ vững và thu hút nhân tài.

Về công tác khác:

- Tiếp tục giao quyền rộng, quyền tự chủ, tự quyết cho các đơn vị. Công ty sẽ đáp ứng kịp thời về vốn, cơ sở vật chất, nhân sự, đối ngoại và pháp lý khi đơn vị có yêu cầu.
- Xây dựng thang, bảng lương mới phù hợp quy định.
- Tranh thủ các nguồn hỗ trợ vốn từ các tổ chức nước ngoài và các Quỹ trong nước.
- Tiếp tục tổ chức cho cán bộ công nhân viên nghỉ dưỡng tại resort và tham quan học tập một số nơi khác.
- Triển khai cung cấp trang phục cho người lao động.
- Duy trì và phát huy các phong trào thi đua, phong trào sáng kiến; nâng cao ý thức về an toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy, thực hành tốt 5S trong toàn thể CBCNV.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

Bảng 19: Phân tích Swot của Sepon Group

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Sepon Group có chiến lược phát triển cụ thể và toàn diện, tạo điều kiện Công ty có được định hướng phát triển tốt. - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng liên tục qua các năm. Công tác đầu tư công nghệ và nguồn nhân lực được chú trọng phát triển. - Ban lãnh đạo Sepon Group có tầm nhìn chiến lược. Đội ngũ lao động có tay nghề và gắn bó với doanh nghiệp. - Nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định, vị thế 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc áp dụng công nghệ vào quy trình sản xuất, chế biến còn nhiều hạn chế. - Nguồn nguyên liệu về nông sản dễ bị ảnh hưởng bởi các điều kiện khó kiểm soát như tự nhiên, dịch bệnh - Hệ thống du lịch ở địa phương chưa phát triển đồng bộ và chuyên nghiệp.

doanh nghiệp tại địa phương tốt. - Vị trí các chi nhánh trực thuộc thuận lợi, gần nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào.	
Cơ hội	Thách thức
- Hội nhập còn giúp các doanh nghiệp thương mại Việt Nam có điều kiện tiếp cận với công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiến tiến từ nước ngoài. - Ngành thương mại, sản xuất nông sản, xuất nhập khẩu được Nhà nước đặc biệt chú trọng quan tâm. Nhiều chính sách hỗ trợ của Chính phủ đang từng bước được xây dựng và phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi và động lực doanh nghiệp ngày càng phát triển.	- Doanh nghiệp gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. - Hàng rào bảo hộ hàng sản xuất trong nước giảm theo cam kết WTO nên các nhà sản xuất hàng xuất khẩu trong nước sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm của các nước khác. - Việc giao thương với hơn 15 nước trên thế giới của doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến để đáp ứng được các tiêu chuẩn được đặt ra từ các thị trường đó.

Hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2016 đã đạt được kết quả khá khả quan. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế 09 tháng đầu năm 2016 đã đạt 67 % so với kế hoạch Ban tổng giám đốc xây dựng cho cả năm 2016. Các nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và nếu không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty thì VCBS cho rằng các kế hoạch tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển mà Công ty đề ra trong năm 2016 là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc cho Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị cung cấp và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Theo quy định tại Khoản 4 – Điều 5 Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015, Công ty Cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị sẽ thực hiện đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội toàn bộ số cổ phiếu của Công ty trong thời hạn

không quá 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Dự kiến thời hạn Công ty thực hiện : 90 ngày sau ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông công ty cổ phần Tổng Công ty thương mại Quảng Trị

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng

3. Tổng số cổ phiếu phát hành

Tổng số cổ phiếu phát hành 900.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị theo mệnh giá: 9.000.000.000 đồng

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu SEPON tại thời điểm 31/12/2015 được tính như sau

$$\begin{array}{l} \text{Giá sổ sách} \\ \text{1 cổ phiếu} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} \quad 89.017.216.415}{\text{Tổng số CP đang lưu hành} \quad 7.500.000} = 11.869 \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu SEPON tại thời điểm 30/09/2016 được tính như sau

$$\begin{array}{l} \text{Giá sổ sách} \\ \text{1 cổ phiếu} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} \quad 86.846.093.584}{\text{Tổng số CP đang lưu hành} \quad 7.500.000} = 11.579 \text{ đồng}$$

Đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, những cổ đông muốn gắn bó lâu dài với công ty, cùng chung tay góp sức đưa công ty ngày càng phát triển nên HĐQT đề xuất mức giá chào bán là : 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

- **Tỷ lệ thực hiện quyền: 25 : 3**
- Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 25 quyền thì nhận quyền mua được 03 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Ví dụ : Cổ đông B sở hữu 299 cổ phiếu. Cổ đông B sẽ được quyền mua cổ phiếu tương ứng : $299 * 3/25 = 35,88$ cổ phiếu.
- Như vậy, cổ đông trên sẽ được quyền mua thêm 35 cổ phiếu với mức giá 10.000 đồng.

Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phần không bán hết: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị hoặc số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu dự kiến được phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Trường hợp công ty không thể hoàn thành việc phân phối trong thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Sau khi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xem xét cấp giấy chứng nhận, danh sách cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu phát hành được chốt lại.

Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được công bố chính thức khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN.

Sau khi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được UBCKNN xem xét, cấp giấy chứng nhận, trong vòng 12 ngày làm việc, Công ty sẽ chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua cổ phiếu.

Sau khi có danh sách phân bổ quyền mua, Công ty sẽ thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách nêu trên số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ, số lượng cổ phiếu được

mua thêm, thời hạn đăng ký mua cổ phần, phương thức thanh toán, thời hạn chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác.

Số lượng đặt mua tối thiểu là 01 cổ phiếu. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phiếu không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.

Phương thức thanh toán tiền của đợt chào bán : cổ đông hiện hữu nộp tiền mặt/ chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa mà Công ty công bố. Sau ngày kết thúc đăng ký mua và nộp tiền, Công ty sẽ chuyển toàn bộ số tiền mặt thu được trong đợt đăng ký mua của cổ đông hiện hữu vào tài khoản phong tỏa theo quy định của pháp luật.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu : Cổ phiếu của đợt chào bán ra công chúng này là cổ phiếu phổ thông, được tự do chuyển nhượng, được hưởng đầy đủ các quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu các đợt phát hành kế tiếp và hưởng các quyền lợi liên quan khác tương tự như các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

Sau khi việc phát hành cho cổ đông hiện hữu kết thúc, trong vòng 10 ngày làm việc tiếp theo, căn cứ vào danh sách tổng hợp cổ đông mua cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ và/hoặc cổ phiếu không được cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua hết, HĐQT sẽ phân phối cho đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp, với giá không thấp hơn so với giá phát hành cho cổ đông hiện tại. Thời gian đăng ký và nộp tiền trong vòng 07 ngày làm việc tiếp theo.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ gửi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN kèm theo bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán.

Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được công bố chính thức khi công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN. Sau đây là bảng lịch trình dự kiến. Lịch trình trên được tính theo ngày làm việc.

STT	Trình tự thủ tục	Thời gian dự kiến
1.	Tổ chức phát hành nộp Hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng lên UBCKNN và chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu.	Giả định là thời điểm D $D1 = D + 7$ $D2 = D1 + 12$
2.	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chào bán cổ phiếu	
3.	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.	
4.	Chốt danh sách cổ đông và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến từng cổ đông.	

5.	Cổ đông trong danh sách chốt quyền mua cổ phiếu sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu. Chuyển nhượng quyền mua.	$D3=D2+20$
6.	Xử lý cổ phiếu lẻ/ cổ phiếu không bán hết	$D4=D3+10$
7.	Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN	$D5=D4+10$
8.	Chuyển giao cổ phiếu cho các cổ đông đăng ký mua	$D6=D5+30$

9. Phương thức thực hiện quyền

Công ty sẽ thông báo tới các cổ đông về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu và ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua dự kiến trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Cổ đông có tên trong Danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ mua đã quy định. Các cổ đông sẽ đăng ký mua và nộp tiền tại Trụ sở chính Công ty.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện nay, Công ty không có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phiếu của Công ty. Công ty đã rà soát lại các quy định pháp luật chuyên ngành và quy định tại Khoản 2 – Điều 1 – Nghị định số 60/2015/NĐ – CP về tỷ lệ sở hữu Nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) đối với các ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty, trong 105 ngành nghề của Công ty, 103 ngành nghề không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nước ngoài, 01 ngành vận tải đường bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài là dưới 51%, 01 ngành vận tải hành khách ven biển và viễn dương có giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài là dưới 49%, 02 ngành là bán buôn gạo, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan thì người nước ngoài không được nắm giữ cổ phiếu. Vậy theo quy định đối với các ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 0%. Công ty cam kết việc phát hành đảm bảo tuân thủ Quy định trên.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (không chuyển nhượng cho người thứ ba).

Về phương án phân phối cổ phiếu cho đối tượng khác trong trường hợp không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phiếu lẻ, Công ty cam kết sẽ đáp ứng quy định tại Điểm 3 – Điều 9 – ND 58/2012/ND-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 7 – Điều 1 – ND số 60/2015/ND-CP ngày 26/06/2015. Số cổ phiếu chào bán cho đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)

12.1 Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 v/v Hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân có liên quan đến đầu tư chứng khoán bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn: 5%
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn:

✓ Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng. Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Khi quyết toán thuế, cá nhân áp dụng thuế suất 20% được trừ số thuế đã tạm nộp theo thuế suất 0,1% trong năm tính thuế.

✓ Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Các khoản thu nhập từ góp vốn và chuyển nhượng vốn của nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải đóng thuế trên phần thu nhập chịu thuế với thuế suất bằng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.
- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam chỉ mở

tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu thuế suất thuế chuyển nhượng vốn là 0,1% trên mỗi lần chuyển nhượng.

12.2 Đối với hoạt động của Sepon Group

❖ Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Biểu thuế GTGT áp dụng:

- Thuế suất 0%: áp dụng cho hoạt động xuất nhập khẩu
- Thuế suất hiện hành: các hoạt động khác

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Đối với thu nhập của nhà máy chế biến tinh bột sắn Sepon: Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính và Công văn số 3563/CT-TTHT ngày 05/06/2015 của Cục thuế Tỉnh Quảng Trị
- Đối với các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%

❖ Các thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên tài khoản : Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
- Tài khoản số : 3900201014955 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị chào bán 900.000 cổ phiếu đợt này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Dự kiến Công ty sẽ hoàn tất đợt phát hành trong Quý IV/2016 và thu được 9.000.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được phân bổ sử dụng vào mục đích như đã nêu tại Mục VI ở trên.

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian sử dụng nguồn vốn	
			Thời gian bắt đầu sử dụng	Thời gian kết thúc sử dụng dự kiến
1	Mua nguyên liệu, vật liệu cho sản xuất tinh bột sắn	5.000.000.000	10 ngày sau khi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN	Quý IV/2016
2	Mua nguyên liệu, vật liệu cho chế biến cao su	3.000.000.000	10 ngày sau khi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN	Quý IV/2016
3	Mua nguyên liệu, vật liệu cho sản xuất gỗ	1.000.000.000	10 ngày sau khi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN	Quý IV/2016
	TỔNG CỘNG	9.000.000.000		

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1 Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Số điện thoại: ++84 04-3 9360261 Fax: ++84 04-3 9360262

Chi nhánh: Tầng 12, Số 135 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: ++84 0511-3 888991 Fax: ++84 0511-3888881

Chi nhánh: 70 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3 TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại: ++84 08 38 208 116 Fax: ++84 08 38 208 116

2 Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính: 78-80 Đường 30 tháng 4 – Q. Hải Châu – Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: ++84 0511-3 655886

Fax: ++84 0511-3 655887

Website : www.aac.com.vn**3 Ý kiến của VCBS về đợt chào bán cổ phiếu của SEPON GROUP**

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty chứng khoán NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã thu thập được về SEPON GROUP và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, VCBS có một số nhận định như sau:

Tổng giá trị số vốn phát hành đợt này là 9.000.000 đồng, tăng thêm 12% so với vốn điều lệ hiện có. Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đợt này là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mở rộng sản xuất kinh doanh, giảm đòn cân nợ, các rủi ro thanh toán và gia tăng lợi nhuận. Đây là kế hoạch tăng vốn và sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc cân nhắc kỹ và đệ trình cho các cổ đông xem xét tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Bên cạnh một số rủi ro không thể tránh khỏi của đợt chào bán như chào bán không thành công hay cổ phiếu bị pha loãng sau phát hành..thì việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành lần này là một bước tiến cần thiết và phù hợp cho Công ty để triển khai các kế hoạch phát triển đã được Đại hội cổ đông thông qua.




IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Quảng Trị, ngày...8...tháng...12....năm 2016

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


PHAN VĂN SINH

TỔNG GIÁM ĐỐC


HỒ XUÂN HIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG


MAI CHIÊM AN

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC VCBS – CN ĐÀ NẴNG



PHẠM KIM NGỌC